

**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5876/BTC-CST

Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2022

V/v xin ý kiến về dự thảo Nghị  
định quy định mức thu, chế độ  
thu, nộp, miễn, quản lý và sử  
dụng phí sử dụng đường bộ

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hiệp hội Vận tải Ô tô Việt Nam.

Triển khai Luật Phí và lệ phí, trên cơ sở đề xuất của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12/8/2021 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ (thay thế Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ).

Ngày 13/11/2021, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 40/2021/QH15 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022, tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết giao Chính phủ: *Quy định cụ thể việc thu, nộp và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô thống nhất trong cả nước, bao gồm cả đường bộ thuộc Trung ương quản lý và đường bộ thuộc địa phương quản lý.*

Ngày 03/12/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2047/QĐ-TTg về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022. Trong đó, tại điểm c khoản 4 Điều 2 giao: *Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định cụ thể việc thu, nộp và quản lý sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô thống nhất trong cả nước, bao gồm cả đường bộ thuộc Trung ương quản lý và đường bộ thuộc địa phương quản lý.*

Triển khai Nghị quyết số 40/2021/QH15 và Quyết định số 2047/QĐ-TTg, Bộ Giao thông vận tải có công văn số 2913/BGTVT-TC ngày 25/3/2022 đánh giá tình hình thực hiện và đề xuất quy định thu phí sử dụng đường bộ.

Căn cứ quy định pháp luật phí và lệ phí, trên cơ sở đề xuất của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính dự thảo Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ. Nội dung dự thảo Nghị định cơ bản kế thừa các quy định về mức thu, quản lý và sử dụng quy định tại

Thông tư số 70/2021/TT-BTC (hồ sơ gửi kèm). Đề nghị quý cơ quan nghiên cứu, có ý kiến tham gia để Bộ Tài chính tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Nghị định.

Ý kiến tham gia xin gửi về Bộ Tài chính trước ngày 21/7/2022.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý cơ quan. /

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ; | Để đăng dự thảo
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính; | Nghị định xin ý kiến
- Lưu: VT, CST (CST5) (8b). (8) *Hang*

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG**



★ **Vũ Thị Mai**

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

## **TỜ TRÌNH**

**Về dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ như sau:

### **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

#### **1. Căn cứ pháp lý**

Ngày 13/11/2021, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 40/2021/QH15 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022, tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết giao Chính phủ: *Quy định cụ thể việc thu, nộp và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô thống nhất trong cả nước, bao gồm cả đường bộ thuộc Trung ương quản lý và đường bộ thuộc địa phương quản lý; thực hiện phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương nguồn thu phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô theo tỷ lệ tương ứng là 65% và 35% để chi cho quản lý, bảo trì đường bộ.*

Ngày 03/12/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2047/QĐ-TTg về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022. Trong đó, tại điểm c khoản 4 Điều 2 giao: *Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định cụ thể việc thu, nộp và quản lý sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô thống nhất trong cả nước, bao gồm cả đường bộ thuộc Trung ương quản lý và đường bộ thuộc địa phương quản lý.*

Từ căn cứ nêu trên, việc xây dựng dự thảo Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ là cần thiết.

#### **2. Đánh giá tình hình thực hiện thu phí sử dụng đường bộ**

Triển khai quy định tại Luật Phí và lệ phí, trên cơ sở đề xuất của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ và Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12/8/2021 (thay thế Thông tư số 293/2016/TT-BTC).

Thông tư thu phí sử dụng đường bộ được ban hành đảm bảo đồng bộ với quy định tại Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Luật Giao thông đường bộ; Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012, Nghị định số 56/2014/NĐ-CP ngày 30/5/2014, Nghị định số 28/2016/NĐ-CP ngày 20/4/2016 của Chính phủ về quỹ bảo trì đường bộ.

a) Kết quả đạt được: Chính sách thu phí sử dụng đường bộ được ban hành đã tạo khung pháp lý rõ ràng cho tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí. Tiền phí đường bộ thu được hàng năm khoảng 9.000 tỷ đồng, nộp NSNN và dành toàn bộ cho hoạt động bảo trì đường bộ; ngoài số tiền phí thu được, hằng năm, NSNN cấp thêm khoảng 3.000 tỷ đồng cho hoạt động duy tu, bảo trì hệ thống đường bộ do Nhà nước quản lý.

Các tuyến đường bộ được sửa chữa kịp thời các hư hỏng, bảo đảm hệ thống đường bộ thông suốt, an toàn và phát huy hiệu quả góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh, phát triển các lĩnh vực văn hoá, xã hội, giảm nhẹ thiên tai, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống nhân dân.

b) Vướng mắc phát sinh: Bên cạnh kết quả đạt được, quá trình thực hiện Thông tư số 293/2016/TT-BTC phát sinh một số vướng mắc về: đối tượng chịu phí (*xe đầu kéo hay máy kéo*); tính phí và truy thu phí đối với xe của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp bán thanh lý (chưa nộp phí cho thời gian chờ thanh lý thì người mua có phải nộp không?); thay đổi tổ chức thu phí đối với xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng (Tổng cục Đường bộ Việt Nam thay cho Văn phòng Quỹ bảo trì trung ương – *đã giải thể*),...

Để giải quyết các vướng mắc nêu trên, năm 2021, Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ Giao thông vận tải xây dựng và ban hành Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12/8/2021 (thay thế Thông tư số 293/2016/TT-BTC).

Sau khi Thông tư số 70/2021/TT-BTC có hiệu lực thi hành đến nay chưa có phát sinh vướng mắc.

## II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng; thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đặc biệt là đầu tư phát triển hệ thống đường cao tốc.

2. Đảm bảo đồng bộ với quy định pháp luật về: phí, lệ phí, giao thông đường bộ, ngân sách nhà nước, quản lý thuế và pháp luật liên quan.

3. Huy động kịp thời, hợp lý nguồn lực từ người sử dụng đường bộ để tạo nguồn lực cho bảo trì hệ thống đường bộ do Nhà nước quản lý.

4. Phù hợp với tình hình thực tiễn, kế thừa nội dung quy định thu phí sử dụng đường bộ hiện hành.

### III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN NGHỊ ĐỊNH

Năm 2021, Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ GTVT đánh giá tình hình thực hiện thu phí sử dụng đường bộ và ban hành Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12/8/2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2021.

Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ GTVT rà soát và kế thừa nội dung quy định tại Thông tư số 70/2021/TT-BTC, để xây dựng dự án Nghị định.

Ngày 21/6/2022, Bộ Tài chính có công văn số 5876/BTC-CST gửi lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính để lấy kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân về dự án Nghị định.

Ngày /2022, Bộ Tài chính đã có công văn số /BTC-CST gửi Bộ Tư pháp thẩm định dự án Nghị định.

Giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia, Bộ Tài chính hoàn chỉnh lại dự án Nghị định và lập Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia. Báo cáo đã được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính.

### IV. NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

#### 1. Bố cục dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 03 Chương, 10 Điều, cụ thể:

- Chương I. Quy định chung: Chương này gồm 04 Điều (từ Điều 1 đến Điều 4) quy định về: Phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; các trường hợp miễn phí; người nộp phí và tổ chức thu phí.

- Chương II. Quy định cụ thể: Chương này gồm 04 Điều (từ Điều 5 đến Điều 8) quy định về: Mức thu phí; phương thức tính, nộp phí; quản lý và sử dụng phí; trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp.

- Chương III. Tổ chức thực hiện: Chương này gồm 02 Điều (Điều 9 và Điều 10) quy định về: Tổ chức thực hiện; hiệu lực thi hành.

#### 2. Nội dung dự thảo Nghị định

Năm 2021, Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ GTVT đánh giá tình hình thực hiện thu phí sử dụng đường bộ và ban hành Thông tư số 70/2021/TT-BTC. Vì vậy, nội dung Nghị định cơ bản kế thừa nội dung đang quy định tại Thông tư số 70/2021/TT-BTC.

##### 2.1. Các nội dung kế thừa

a) Về Chương I. Quy định chung: Chương này gồm 04 Điều quy định các nội dung cơ bản như sau:

- Về phạm vi điều chỉnh: Tại Điều 1 dự thảo Nghị định quy định “Nghị định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ (phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô) thuộc ngân



*sách nhà nước*”. Nội dung kế thừa quy định tại Thông tư số 70/2021/TT-BTC, bổ sung thêm cụm từ “*thuộc ngân sách nhà nước*” để phân biệt với phí dịch vụ đường bộ hoàn vốn các dự án đầu tư theo hình thức BOT.

- Đối tượng áp dụng: dự thảo Nghị định quy định đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ là ô tô (xe ô tô, xe đầu kéo và các loại xe tương tự) đã đăng ký, kiểm định để lưu hành. Đồng thời, quy định một số trường hợp xe không chịu phí sử dụng đường bộ do: bị hủy hoại, bị tịch thu, bị tai nạn không thể sử dụng tiếp sau sửa chữa; xe không sử dụng đường bộ trong thời gian dài trên 30 ngày (trong đó, có xe kinh doanh vận tải cầu doanh nghiệp kinh doanh vận tải tạm dừng lưu hành liên tục 30 ngày trở lên).

- Nghị định quy định 05 trường hợp miễn phí gồm: Xe cứu thương, xe cứu hỏa, xe phục vụ tang lễ, xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh.

- Các Trung tâm đăng kiểm thu phí đối với các loại xe ô tô (trừ xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng) khi thực hiện đăng kiểm xe. Tổng cục Đường bộ Việt Nam thu phí đối với xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng (xe này do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quản lý và kiểm định).

*b) Về Chương II. Quy định cụ thể:* Chương này gồm 04 Điều quy định các nội dung cơ bản như sau:

- Mức thu phí áp dụng cho ô tô (trừ xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng) chia làm 08 nhóm theo tải trọng và ghế ngồi của xe: từ 130.000 đồng/tháng đến 1.430.000 đồng/tháng; xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng chia làm 02 nhóm: xe ô tô con mức 1.000.000 đồng/năm; xe tải, xe khách: 1.500.000 đồng/năm (*phí sử dụng đường bộ nộp cho xe ô tô của công an, quốc phòng do NSNN đảm bảo*).

- Về cách tính và thu phí: (i) Xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng: Bộ Công an, Bộ Quốc phòng nộp phí cho toàn bộ xe ô tô mình quản lý 01 lần/năm; (ii) Xe ô tô còn lại nộp theo: chu kỳ đăng kiểm; theo năm dương lịch; theo tháng đối với trường hợp doanh nghiệp có số phí phải nộp từ 30 triệu đồng trở lên.

- Về quản lý, sử dụng tiền phí: Tổng cục Đường bộ Việt Nam được để lại 1,2% tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí. Các Trung tâm đăng kiểm thu phí nộp về Cục Đăng kiểm Việt Nam (trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày thu phí) để Cục Đăng kiểm Việt Nam tổng hợp và khai, nộp phí vào NSNN. Các Trung tâm đăng kiểm được để lại 1,32% tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí. Trường hợp Trung tâm đăng kiểm thuộc doanh nghiệp thì tiền phí để lại là doanh thu của Trung tâm, Trung tâm khai, nộp thuế theo quy định.

- Về hoàn trả, bù trừ phí: Tại Điều 2 dự thảo Nghị định một số trường hợp xe không chịu phí sử dụng đường bộ. Trường hợp xe này đã nộp phí cho thời gian dừng lưu hành (thuộc diện không chịu phí) thì sẽ được bù trừ hoặc hoàn trả

số tiền phí đã nộp. Điều 8 Nghị định quy định cụ thể trình tự, thủ tục, hồ sơ hoàn trả, bù trừ tiền phí đối với từng trường hợp cụ thể.

c) *Về Chương III. Tổ chức thực hiện:* Chương này gồm 02 Điều quy định về trách nhiệm của Trung tâm đăng kiểm, Cục Đăng kiểm Việt Nam, Tổng cục Đường bộ Việt Nam trong việc tổ chức thu thực hiện quản lý thu, nộp phí, báo cáo kết quả thu, nộp phí. Nghị định có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

## **2.2. Về các nội dung bãi bỏ so với quy định hiện hành**

Dự thảo Nghị định không quy định về in và phát hành vé “*phí đường bộ toàn quốc*” (tại Điều 7, Điều 8, Điều 11 Thông tư số 70/2021/TT-BTC). Vì vé “*phí đường bộ toàn quốc*” để phục vụ cho mục đích xe ô tô của lực lượng quốc phòng, an ninh khi lưu thông qua các trạm thu phí BOT trên toàn quốc được miễn phí dịch vụ sử dụng đường bộ. Việc quy định chứng từ miễn phí BOT thuộc Bộ GTVT. Ngày 30/11/2021, Bộ GTVT đã ban hành Thông tư số 28/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2016/TT-BGTVT ngày 16/11/2016 quy định về giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn các dự án đầu tư xây dựng đường bộ do Bộ GTVT quản lý. Trong đó, đã có quy định về việc in, phát hành vé “*phí đường bộ toàn quốc*”.

## **V. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VỀ NGUỒN NHÂN LỰC, TÀI CHÍNH ĐỂ BẢO ĐẢM THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH VIỆC LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Nguồn nhân lực, tài chính thực hiện Nghị định**

Nghị định nhằm phù hợp về thẩm quyền Quốc hội giao, cơ bản kế thừa nội dung đang quy định tại Thông tư số 70/2021/TT-BTC. Hoạt động quản lý thu phí vẫn do các Tổng cục Đường bộ Việt Nam và các Trung tâm đăng kiểm thực hiện. Do đó, không phát sinh thêm nguồn nhân lực, tài chính cho việc thực hiện Nghị định.

### **2. Vấn đề lồng ghép giới**

Việc thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị định dựa trên cơ sở pháp lý, như: Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt; Luật Bình đẳng giới cũng quy định các khái niệm về bình đẳng giới, biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới (Điều 5), chính sách của Nhà nước về bình đẳng giới (Điều 7).

Các quy định trong dự thảo Nghị định đã đảm bảo quyền bình đẳng của tổ chức, cá nhân, của Nam, của Nữ trong việc thực hiện các chính sách. Do đó, dự thảo Nghị định đảm bảo yêu cầu về bình đẳng giới theo quy định. Vấn đề về lồng ghép bình đẳng giới đã được đề cập trong báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong Nghị định này.

Trên đây là nội dung dự thảo Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ. Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

*(Tài liệu trình kèm: Dự thảo Nghị định; Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia; Báo cáo tình hình thực hiện; Báo cáo đánh giá tác động của dự thảo Nghị định; Bản tổng hợp ý kiến tham gia)./.*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, CST (P5).

**BỘ TRƯỞNG**

**Hồ Đức Phúc**



**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**Dự thảo**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn,  
quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 40/2021/QH15 của Quốc hội ngày 13 tháng 11 năm 2021 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ (phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô) thuộc ngân sách nhà nước.

**Điều 2. Đối tượng chịu phí**

1. Đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ là các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đã đăng ký, kiểm định để lưu hành (có giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe, có giấy chứng nhận kiểm định), bao gồm: Xe ô tô, xe đầu kéo và các loại xe tương tự (sau đây gọi chung là ô tô).

2. Xe ô tô quy định tại khoản 1 Điều này không chịu phí sử dụng đường bộ trong các trường hợp sau:

- a) Bị hủy hoại do tai nạn hoặc thiên tai.
- b) Bị tịch thu hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.
- c) Bị tai nạn đến mức không thể tiếp tục lưu hành phải sửa chữa từ 30 ngày trở lên.
- d) Xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kinh doanh vận tải (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên.
- d) Xe ô tô của doanh nghiệp không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ (chỉ được cấp Giấy chứng nhận kiểm định và không cấp Tem kiểm định theo quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Bộ Giao thông vận tải), chỉ sử dụng trong phạm vi Trung tâm sát hạch lái xe, nhà ga, cảng, khu khai thác khoáng sản, nông, lâm, ngư nghiệp, công trường xây dựng (giao thông, thủy lợi, năng lượng).
- e) Xe ô tô đăng ký, đăng kiểm tại Việt Nam nhưng hoạt động tại nước ngoài liên tục từ 30 ngày trở lên.
- g) Xe ô tô bị mất trộm trong thời gian từ 30 ngày trở lên.

3. Các trường hợp nêu tại khoản 2 Điều này không chịu phí nếu có đủ hồ sơ đáp ứng các quy định tại Điều 8 Nghị định này. Trường hợp xe ô tô đó đã được nộp phí sử dụng đường bộ, chủ phương tiện sẽ được trả lại số phí đã nộp (áp dụng cho xe ô tô bị hủy hoại; bị tịch thu hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe không tiếp tục lưu hành) hoặc được trừ vào số phí phải nộp của kỳ sau (áp dụng đối với xe ô tô vẫn tiếp tục được lưu hành) tương ứng với thời gian không sử dụng đường bộ.

4. Không áp dụng khoản 2 Điều này đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an.

5. Chưa thu phí đối với xe ô tô mang biển số nước ngoài (bao gồm cả trường hợp xe được cấp đăng ký và biển số tạm thời) được cơ quan có thẩm quyền cho phép tạm nhập, tái xuất có thời hạn theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Các trường hợp miễn phí**

Miễn phí sử dụng đường bộ đối người nộp phí cho các phương tiện sau:

- 1. Xe cứu thương.
- 2. Xe chữa cháy.
- 3. Xe chuyên dùng phục vụ tang lễ gồm:
  - a) Xe có kết cấu chuyên dùng phục vụ tang lễ (bao gồm xe tang, xe tải lạnh dùng để lưu xác và chở xác).

b) Các xe liên quan phục vụ tang lễ (bao gồm xe chở khách đi cùng xe tang, xe tải chở hoa, xe rước ảnh) là xe chỉ sử dụng cho hoạt động tang lễ mà trên Giấy đăng ký xe mang tên đơn vị phục vụ lễ tang. Đơn vị phục vụ lễ tang phải có văn bản cam kết các loại xe này chỉ sử dụng cho hoạt động lễ tang (trong đó nêu cụ thể số lượng xe, biển số xe theo từng loại) gửi đơn vị đăng kiểm (khi đăng kiểm xe).

4. Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng bao gồm các phương tiện cơ giới đường bộ mang biển số: Nền màu đỏ, chữ và số màu trắng dập chìm có gắn các thiết bị chuyên dụng cho quốc phòng (xe xi téc, xe cần cầu, xe chở lực lượng vũ trang hành quân được hiểu là xe ô tô chở người có từ 12 chỗ ngồi trở lên, xe ô tô tải có mui che và được lắp đặt ghế ngồi trong thùng xe và một số loại xe chuyên dùng khác mang biển số màu đỏ).

5. Xe chuyên dùng của các đơn vị thuộc hệ thống tổ chức của công an nhân dân bao gồm:

a) Xe ô tô tuần tra kiểm soát giao thông của cảnh sát giao thông có đặc điểm: Trên nóc xe ô tô có đèn xoay và hai bên thân xe ô tô có in dòng chữ: “CẢNH SÁT GIAO THÔNG”.

b) Xe ô tô cảnh sát 113 có in dòng chữ: “CẢNH SÁT 113” ở hai bên thân xe.

c) Xe ô tô cảnh sát cơ động có in dòng chữ “CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG” ở hai bên thân xe.

d) Xe ô tô vận tải có mui che và được lắp ghế ngồi trong thùng xe chở lực lượng công an làm nhiệm vụ.

đ) Xe ô tô chuyên dùng chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn.

e) Xe ô tô đặc chủng (xe thông tin vệ tinh, xe chống đạn, xe phòng chống khủng bố, chống bạo loạn và các xe ô tô đặc chủng khác của Bộ Công an).

#### **Điều 4. Người nộp phí và tổ chức thu phí**

1. Tổ chức, cá nhân sở hữu, sử dụng hoặc quản lý phương tiện (sau đây gọi chung là chủ phương tiện) thuộc đối tượng chịu phí theo quy định tại Điều 2 Nghị định này là người nộp phí sử dụng đường bộ.

2. Tổ chức thu phí bao gồm:

a) Tổng cục Đường bộ Việt Nam thu phí đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an.

b) Các đơn vị đăng kiểm thu phí đối với xe ô tô của các tổ chức, cá nhân đăng ký tại Việt Nam (trừ xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an quy định tại điểm a Khoản này) nộp về Cục Đăng kiểm Việt Nam để Cục Đăng kiểm Việt Nam khai, nộp phí theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 5. Mức thu phí**

Mức thu phí sử dụng đường bộ quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp số tiền phí phải nộp là số tiền lẻ thì tổ chức thu phí tính tròn số theo nguyên tắc số tiền phí lẻ dưới 500 đồng thì tính tròn xuống, số tiền phí lẻ từ 500 đồng đến dưới 1.000 đồng thì tính tròn lên 1.000 đồng.

#### **Điều 6. Phương thức tính, nộp phí**

1. Đối với xe ô tô của các tổ chức, cá nhân đăng ký tại Việt Nam (trừ xe của lực lượng quốc phòng, công an quy định tại khoản 2 Điều này).

Đối với xe đăng kiểm lần đầu, thời điểm tính phí sử dụng đường bộ tính từ ngày phương tiện được cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm. Đối với xe cải tạo, chuyển đổi công năng hoặc chuyển đổi sở hữu từ tổ chức sang cá nhân (và ngược lại) thì mức thu phí tính từ ngày chuyển đổi công năng hoặc chuyển đổi sở hữu theo Giấy đăng ký mới của xe.

Phí sử dụng đường bộ tính theo năm, tháng hoặc theo chu kỳ đăng kiểm của xe. Đơn vị đăng kiểm cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng với thời gian nộp phí. Cụ thể như sau:

a) Tính, nộp phí theo chu kỳ đăng kiểm

a.1) Đối với xe ô tô có chu kỳ đăng kiểm từ 01 năm trở xuống: Chủ phương tiện thực hiện nộp phí sử dụng đường bộ cho cả chu kỳ đăng kiểm và được cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng với thời gian nộp phí.

Ví dụ 1: Xe ô tô của ông A có chu kỳ đăng kiểm 06 tháng (từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022). Ngày 01 tháng 01 năm 2022, ông A mang xe đến đăng kiểm, nộp phí sử dụng đường bộ cho đơn vị đăng kiểm. Đơn vị đăng kiểm thực hiện đăng kiểm xe, thu phí sử dụng đường bộ và cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ 06 tháng.

a.2) Đối với xe ô tô có chu kỳ đăng kiểm trên 01 năm (18 tháng, 24 tháng và 30 tháng): Chủ phương tiện phải nộp phí sử dụng đường bộ theo năm (12 tháng) hoặc nộp cho cả chu kỳ đăng kiểm (18 tháng, 24 tháng và 30 tháng).

Trường hợp nộp phí theo chu kỳ đăng kiểm (18 tháng, 24 tháng và 30 tháng): Đơn vị đăng kiểm cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng với chu kỳ đăng kiểm. Hết thời hạn nộp phí (chu kỳ đăng kiểm), chủ phương tiện phải đến đơn vị đăng kiểm để đăng kiểm và nộp phí cho chu kỳ đăng kiểm tiếp theo.

Trường hợp nộp phí theo năm (12 tháng): Đơn vị đăng kiểm cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng với thời gian nộp phí 12 tháng. Hết thời hạn nộp phí (12 tháng), chủ phương tiện phải đến đơn vị đăng kiểm nộp phí và được

cấp Tem nộp phí của thời gian tiếp theo (12 tháng hoặc thời gian còn lại của chu kỳ đăng kiểm).

Ví dụ 2: Xe ô tô của ông B có chu kỳ đăng kiểm 30 tháng (từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024). Ngày 01 tháng 01 năm 2022, ông B mang xe đến đăng kiểm. Ông B được lựa chọn nộp phí 01 năm (12 tháng) hoặc nộp phí cho cả chu kỳ đăng kiểm (30 tháng).

Trường hợp ông B nộp phí cho cả chu kỳ đăng kiểm, được cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ 30 tháng.

Trường hợp ông B chọn nộp phí theo năm: Đơn vị đăng kiểm cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ có thời gian 12 tháng. Ngày 01 tháng 01 năm 2023, ông B phải đến nộp phí sử dụng đường bộ cho thời gian tiếp theo 12 tháng (hoặc nộp cho thời gian còn lại của chu kỳ đăng kiểm là 18 tháng) và được cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ cho thời gian nộp phí tương ứng (12 tháng hoặc 18 tháng). Nếu nộp phí 12 tháng thì đến ngày 01 tháng 01 năm 2024, ông B phải đến nộp phí cho thời gian 06 tháng còn lại (từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024) và được cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ 06 tháng. Ngày 01 tháng 7 năm 2024, ông B đến đăng kiểm xe và nộp phí cho chu kỳ tiếp theo.

a.3) Trường hợp chủ phương tiện đến đăng kiểm sớm hơn hoặc chậm hơn thời gian theo chu kỳ đăng kiểm quy định, đơn vị đăng kiểm kiểm tra xe và tính tiền phí sử dụng đường bộ nối tiếp từ thời điểm cuối của khoảng thời gian đã nộp phí sử dụng đường bộ lần trước cho đến hết chu kỳ kiểm định của kỳ tiếp theo (nếu chu kỳ kiểm định tiếp theo trên 12 tháng, chủ phương tiện có thể nộp đến 12 tháng hoặc nộp cả chu kỳ đăng kiểm). Trường hợp thời gian tính phí không tròn tháng thì số phí phải nộp sẽ tính bằng số ngày lẻ chia 30 ngày nhân với mức phí của 01 tháng.

Ví dụ 3: Về trường hợp đăng kiểm sớm, xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi của ông C có chu kỳ đăng kiểm 06 tháng tính từ ngày 01 tháng 3 năm 2022 đến ngày 31 tháng 8 năm 2022. Ngày 01 tháng 3 năm 2022, ông C mang xe đến đăng kiểm và nộp phí 06 tháng. Theo định kỳ thì đến ngày 31 tháng 8 năm 2022 ông C mới phải đến đăng kiểm xe nhưng vì lý do nào đó ngày 21 tháng 8 năm 2022 ông C mang xe đến đăng kiểm và nộp phí (đăng kiểm sớm 10 ngày).

Đơn vị đăng kiểm thực hiện đăng kiểm xe và cấp Tem đăng kiểm cho chu kỳ 06 tháng tiếp theo tính từ ngày 21 tháng 8 năm 2022 đến ngày 20 tháng 02 năm 2023. Do ông C đã nộp phí tính đến ngày 31 tháng 8 năm 2022 nên đơn vị đăng kiểm sẽ tính và thu phí sử dụng đường bộ từ ngày 01 tháng 9 năm 2022 đến ngày 20 tháng 02 năm 2023 (05 tháng 20 ngày), cụ thể như sau:

Số phí phải nộp = 5 tháng x 130.000 đồng/tháng + (20/30) tháng x 130.000 đồng/tháng = 736.670 đồng.

Ví dụ 4: Về trường hợp đăng kiểm muộn, vẫn các giả định như trường hợp ví dụ 3 nêu trên nhưng đến ngày 15 tháng 9 năm 2022, ông C mới mang xe đến đăng kiểm (đăng kiểm chậm 15 ngày).

Đơn vị đăng kiểm kiểm tra và cấp Tem đăng kiểm 06 tháng tính từ ngày 15 tháng 9 năm 2022 đến ngày 14 tháng 3 năm 2023. Do ông C mới nộp phí đến ngày 31 tháng 8 năm 2022 nên đơn vị đăng kiểm sẽ tính và thu phí sử dụng đường bộ từ ngày 01 tháng 9 năm 2022 đến ngày 14 tháng 3 năm 2023 (06 tháng 15 ngày), cụ thể như sau:

Số phí phải nộp = 6 tháng x 130.000 đồng/tháng + (15/30) tháng x 130.000 đồng/tháng = 845.000 đồng.

a.4) Trường hợp chủ phương tiện chưa nộp phí sử dụng đường bộ của các chu kỳ đăng kiểm trước theo thời hạn quy định thì ngoài số phí phải nộp cho chu kỳ tiếp theo, chủ phương tiện còn phải nộp số phí chưa nộp của chu kỳ trước. Trường hợp chu kỳ đăng kiểm có thời gian trước ngày 01 tháng 01 năm 2013 thì thời điểm xác định phí tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013. Đơn vị đăng kiểm sẽ truy thu số phí phải nộp của chu kỳ trước, số phí phải nộp bằng mức thu phí của 01 tháng nhân với thời gian nộp chậm.

a.5) Trường hợp chủ phương tiện muốn nộp phí cho thời gian dài hơn chu kỳ đăng kiểm, đơn vị đăng kiểm thu phí và cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng với thời gian nộp phí.

a.6) Đối với các xe bị tịch thu, bị thu hồi bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; xe của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; xe của lực lượng quốc phòng, công an thanh lý; xe thế chấp bị ngân hàng thu hồi mà trong thời gian bị tịch thu, thu hồi, chờ thanh lý không đăng kiểm để lưu hành sau đó được bán phát mại, thanh lý thì chủ mới của phương tiện chỉ phải nộp phí sử dụng đường bộ từ thời điểm mang xe đi đăng kiểm để lưu hành. Khi đăng kiểm lưu hành, chủ phương tiện phải xuất trình cho cơ quan đăng kiểm các giấy tờ liên quan như: Quyết định tịch thu hoặc thu hồi của cấp có thẩm quyền; Quyết định thu hồi tài sản thế chấp; Quyết định cho phép thanh lý tài sản đối với các tài sản thuộc sở hữu của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng quốc phòng, công an; Biên bản hoặc hợp đồng thực hiện hoàn tất thủ tục mua tài sản được bán thanh lý, bán đấu giá.

Trường hợp xe bán thanh lý, phát mại đã nộp phí qua thời điểm đi đăng kiểm lại để lưu hành thì chủ phương tiện nộp phí tính từ thời điểm nối tiếp theo kỳ hạn đã nộp phí của chu kỳ trước.

#### b) Nộp phí theo năm dương lịch

Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu nộp phí theo năm dương lịch gửi thông báo bằng văn bản (lần đầu hoặc khi phát sinh tăng, giảm phương tiện) đến đơn vị đăng kiểm và thực hiện nộp phí theo năm dương lịch đối với các phương tiện của mình.

Hàng năm, trước ngày 01 tháng 01 của năm tiếp theo, chủ phương tiện phải đến đơn vị đăng kiểm nộp phí cho năm tiếp theo. Khi thu phí, đơn vị đăng kiểm cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ cho từng xe tương ứng thời gian nộp phí.

Ví dụ 5: Doanh nghiệp A có văn bản gửi đơn vị đăng kiểm Y về việc nộp phí cho 10 xe của mình theo năm dương lịch 2022 thì trước ngày 01 tháng 01 năm 2022, Doanh nghiệp A phải đến đơn vị Y nộp phí cho năm 2022 và được cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ cho 10 xe (từng xe) của doanh nghiệp.

**c) Nộp phí theo tháng**

Doanh nghiệp có số phí phải nộp từ 30 triệu đồng/tháng trở lên được thực hiện nộp phí theo tháng. Doanh nghiệp có văn bản (lần đầu hoặc khi phát sinh tăng, giảm phương tiện) gửi đơn vị đăng kiểm và thực hiện nộp phí đối với các phương tiện của mình. Hằng tháng, trước ngày 01 của tháng tiếp theo, doanh nghiệp phải đến đơn vị đăng kiểm (đã đăng ký nộp phí theo tháng) nộp phí cho tháng tiếp theo. Khi thu phí, tổ chức thu phí cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng thời gian nộp phí.

Ví dụ 6: Doanh nghiệp B có 50 xe ô tô, số phí phải nộp hàng tháng là 30 triệu đồng/tháng thì doanh nghiệp B được nộp phí theo tháng. Để thực hiện nộp phí tháng 9 năm 2022 thì trước ngày 01 tháng 9 năm 2022, doanh nghiệp B phải có văn bản gửi đơn vị đăng kiểm X và thực hiện nộp phí đối với 50 xe; sau khi nộp phí, chủ phương tiện được cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ của tháng 9 năm 2022. Hằng tháng, trước ngày 01 của tháng tiếp theo, doanh nghiệp B đến nộp phí cho xe của mình.

2. Đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an: Phí sử dụng đường bộ nộp theo năm, theo mức thu quy định tại Biểu mức thu phí sử dụng đường bộ Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

3. Khi thu phí, tổ chức thu phí phải lập và cấp biên lai thu phí cho người nộp phí theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ và Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

## **Điều 7. Quản lý và sử dụng phí**

1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách trung ương. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo quy định.

Trường hợp Tổng cục Đường bộ Việt Nam thuộc diện được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí được trích để lại một phần hai phần trăm (1,2%) số tiền phí thực thu để trang trải chi phí quản lý hoạt động thu phí sử dụng đường bộ theo quy định. Số tiền còn lại, Tổng cục Đường bộ Việt Nam phải nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của Tổng cục Đường



bộ Việt Nam mở tại Kho bạc Nhà nước trong thời hạn tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thu phí chuyển về tài khoản chuyên thu của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

**2. Đối với các đơn vị đăng kiểm thực hiện thu phí**

a) Đơn vị thu phí được trích để lại một phần ba mươi hai phần trăm (1,32%) số tiền phí sử dụng đường bộ thực thu để chi cho các nội dung sau:

- Trang trải chi phí tổ chức thu theo quy định.

- Trích chuyển về Cục Đăng kiểm Việt Nam ba phần trăm (3%) số tiền được để lại (1,32%) để phục vụ công tác quản lý thu, nộp phí sử dụng đường bộ của hệ thống đơn vị đăng kiểm trên toàn quốc.

b) Trả lại tiền phí đối với các trường hợp không chịu phí quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này.

c) Số tiền còn lại (sau khi trừ số tiền quy định tại điểm a và điểm b Khoản này) tổ chức thu phí chuyển về tài khoản chuyên thu của Cục Đăng kiểm Việt Nam (chuyển tiền trực tiếp hoặc thông qua ngân hàng thương mại). Cục Đăng kiểm Việt Nam nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước trong thời hạn tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày thu phí.

3. Cục Đăng kiểm Việt Nam và Tổng cục Đường bộ Việt Nam thực hiện kê khai, nộp phí thu được theo tháng, quyết toán theo năm theo quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế. Cục Đăng kiểm Việt Nam nộp số tiền phí (quy định tại điểm c khoản 2 Điều này), Tổng cục Đường bộ Việt Nam nộp toàn bộ số tiền phí thu được (trường hợp được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 7 thì nộp 98,8% số tiền phí thu được) vào ngân sách trung ương theo Chương của Bộ Giao thông vận tải và chi tiết theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Số tiền phí được để lại chi của tổ chức thu phí: Trường hợp tổ chức thu phí áp dụng cơ chế tài chính doanh nghiệp, số tiền phí được để lại là doanh thu của đơn vị và thực hiện khai, nộp thuế (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp) theo quy định pháp luật về thuế; trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, số tiền phí được để lại quản lý, sử dụng theo quy định.

**Điều 8. Trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp**

1. Đối với xe ô tô quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định này nếu đã nộp phí thì chủ phương tiện được trả lại phí đã nộp hoặc được bù trừ vào số phí phải nộp của kỳ sau.

a) Đối với xe ô tô quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định này trước khi mang xe đi sửa chữa, chủ phương tiện phải xuất trình Biên bản hiện trường tai nạn có xác nhận của cơ quan công an và nộp lại Tem kiểm định, Giấy chứng

nhận kiểm định cho đơn vị đăng kiểm gần nhất để có căn cứ trả lại phí sau khi phương tiện hoàn thành việc sửa chữa và kiểm định lại để tiếp tục lưu hành.

b) Hồ sơ trả lại phí hoặc bù trừ vào số phí sử dụng đường bộ kỳ sau (sau đây gọi chung là trả lại phí) bao gồm:

b.1) Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

b.2) Bản phô tô các giấy tờ chứng minh thời gian không được sử dụng phương tiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định này (Quyết định tịch thu hoặc thu hồi xe của cơ quan có thẩm quyền, văn bản thu hồi giấy đăng ký và biển số xe).

b.3) Bản phô tô biên lai thu phí. Trường hợp bị mất biên lai thu phí, chủ phương tiện đề nghị đơn vị đăng kiểm nơi nộp phí cấp bản sao biên lai thu phí.

b.4) Riêng đối với xe ô tô quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định này ngoài các giấy tờ nêu trên, chủ phương tiện còn phải cung cấp Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Thời gian tính trả lại hoặc bù trừ phí từ thời điểm cơ quan chức năng thu giữ Tem và Giấy chứng nhận kiểm định.

c) Hồ sơ trả lại phí được nộp tại đơn vị đăng kiểm. Khi nộp hồ sơ, đối với các giấy tờ phô tô, người đề nghị trả lại phí phải mang theo bản chính để đơn vị đăng kiểm đối chiếu. Khi tiếp nhận hồ sơ, đơn vị đăng kiểm đóng dấu tiếp nhận, ghi thời gian nhận và ghi nhận các tài liệu trong hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ trả lại phí chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, đơn vị đăng kiểm phải thông báo cho người nộp hồ sơ để hoàn chỉnh.

d) Chậm nhất là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đề nghị trả lại phí, căn cứ hồ sơ đề nghị trả lại phí của chủ phương tiện, thủ trưởng đơn vị đăng kiểm ra Quyết định về việc trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại/bù trừ tiền phí theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này gửi người đề nghị trả lại phí.

e) Số phí được trả lại hoặc bù trừ cho chủ phương tiện tương ứng với số phí đã nộp cho thời gian phương tiện không sử dụng.

g) Quyết định về việc trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ là căn cứ để đơn vị đăng kiểm kê khai, quyết toán số tiền phí đã trả lại hoặc bù trừ vào số phí phải nộp kỳ sau.

2. Đối với xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp kinh doanh vận tải tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên.

a) Khi tạm dừng lưu hành

a.1) Doanh nghiệp gửi hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải nơi quản lý, cấp phép hoạt động kinh doanh vận tải hoặc nơi sử dụng phương tiện (đối với trường

hợp mang phương tiện đến địa phương khác sử dụng), bao gồm: Đơn xin tạm dừng lưu hành theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; Giấy phép kinh doanh vận tải bằng ô tô (bản sao).

a.2) Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ (kiểm tra các điều kiện: Các xe đề nghị tạm dừng lưu hành là xe kinh doanh vận tải và thuộc sở hữu của doanh nghiệp; thời gian đề nghị tạm dừng lưu hành của từng xe phải liên tục từ 30 ngày trở lên).

- Trường hợp chưa đủ điều kiện thì ra Thông báo về việc không đủ điều kiện đăng ký tạm dừng lưu hành theo Mẫu số 06 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và trả lại doanh nghiệp để hoàn thiện lại hồ sơ. Thời gian thực hiện 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn.

- Trường hợp đủ điều kiện, Sở Giao thông vận tải ký xác nhận vào Đơn xin tạm dừng lưu hành, đồng thời lập Biên bản tạm giữ phù hiệu, biển hiệu kinh doanh vận tải theo Mẫu số 07 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; thời gian thực hiện 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn.

a.3) Doanh nghiệp lập hồ sơ nộp cho đơn vị đăng kiểm xe cơ giới trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi được Sở Giao thông vận tải xác nhận vào đơn. Hồ sơ bao gồm: Đơn xin nghỉ lưu hành bản chính (có xác nhận của Sở Giao thông vận tải); biên bản tạm giữ phù hiệu, biển hiệu (đối với xe thuộc diện cấp biển hiệu, phù hiệu); biên lai thu phí sử dụng đường bộ (bản sao).

a.4) Đơn vị đăng kiểm nhận và kiểm tra hồ sơ

- Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp thì ra Thông báo theo Mẫu số 08 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và trả lại doanh nghiệp để hoàn thiện lại hồ sơ, thời gian thực hiện 02 ngày làm việc.

- Trường hợp đủ điều kiện thì lập Biên bản thu Tem nộp phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 12 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Thời gian thực hiện 02 ngày làm việc.

a.5) Ngày Sở Giao thông vận tải xác nhận vào Đơn xin tạm dừng lưu hành là căn cứ xác định thời gian tạm dừng lưu hành, để xét thuộc trường hợp không chịu phí.

Trường hợp thời gian nghỉ lưu hành thực tế lớn hơn so với thời gian dự kiến trên 30 ngày, chậm nhất là ngày thứ 30 kể từ ngày kết thúc nghỉ lưu hành theo dự kiến doanh nghiệp phải làm Đơn xin tạm dừng lưu hành gửi Sở Giao thông vận tải xác nhận bổ sung. Trường hợp doanh nghiệp không làm Đơn hoặc làm Đơn xin tạm dừng lưu hành đã có xác nhận của Sở Giao thông vận tải nhưng doanh nghiệp không nộp cho đơn vị đăng kiểm trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày Sở Giao thông vận tải xác nhận thì doanh nghiệp vẫn phải chịu phí cho phương tiện nghỉ lưu hành thực tế lớn hơn so với thời gian dự kiến.

Trường hợp thời gian nghỉ lưu hành thực tế lớn hơn so với thời gian dự kiến không quá 30 ngày, doanh nghiệp không phải làm Đơn xin tạm dừng lưu hành bổ sung.

Ví dụ 7: Xe của ông A xin nghỉ lưu hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 đến ngày 30 tháng 11 năm 2022 (Đơn xin tạm dừng lưu hành dự kiến nghỉ 02 tháng). Hồ sơ đã được Sở Giao thông vận tải xác nhận và nộp cho đơn vị đăng kiểm. Thực tế, xe của ông A dừng lưu hành đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2023 (quá thời gian dự kiến xin dừng lưu hành 02 tháng).

- Trường hợp ông A làm Đơn xin tạm dừng lưu hành gửi Sở Giao thông vận tải xác nhận bổ sung việc tạm dừng lưu hành để được xác định xe thuộc diện không chịu phí đến hết tháng 01 năm 2023.

- Trường hợp ông A không làm Đơn xin tạm dừng lưu hành hoặc làm Đơn xin tạm dừng lưu hành đã có xác nhận của Sở Giao thông vận tải nhưng không nộp cho đơn vị đăng kiểm trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày Sở Giao thông vận tải xác nhận thì ông A phải nộp phí từ ngày 01 tháng 12 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2023.

Ví dụ 8: Với giả định tại ví dụ 7 nêu trên. Đến ngày 29 tháng 12 năm 2022, ông A làm thủ tục xin lưu hành trở lại, ông A không phải làm hồ sơ gửi Sở Giao thông vận tải xác nhận bổ sung nghỉ 29 ngày.

a.6) Trường hợp doanh nghiệp chưa nộp phí sử dụng đường bộ đối với xe đề nghị tạm dừng lưu hành tính đến thời điểm tạm dừng lưu hành thì phải nộp đủ phí sử dụng đường bộ cho đơn vị đăng kiểm tính đến thời điểm dừng lưu hành.

b) Khi doanh nghiệp có nhu cầu lưu hành lại các xe đã đề nghị tạm dừng lưu hành thực hiện các thủ tục sau:

b.1) Doanh nghiệp gửi đơn vị đăng kiểm (nơi đã nộp hồ sơ đề nghị dừng lưu hành) hồ sơ đề nghị cấp lại Tem nộp phí sử dụng đường bộ, gồm: Đơn đề nghị cấp lại Tem nộp phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 13 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, biên bản thu Tem nộp phí sử dụng đường bộ (bản chính).

b.2) Đơn vị đăng kiểm kiểm tra hồ sơ

- Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo hoặc số ngày thực tế xe dừng lưu hành (tính từ thời điểm tạm dừng lưu hành đến ngày đề nghị lưu hành trở lại) chưa đảm bảo thời gian liên tục từ 30 ngày trở lên thì đơn vị đăng kiểm ra Thông báo chưa đủ điều kiện xét thuộc diện không chịu phí theo Mẫu số 08 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

- Trường hợp hồ sơ đảm bảo, số ngày thực tế xe dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên và có đủ xác nhận của Sở Giao thông vận tải, đơn vị đăng kiểm tính toán số phí được bù trừ, số phí phải nộp bổ sung (nếu có) trên cơ sở mức thu của một tháng chia cho 30 ngày và nhân với số ngày nghỉ lưu hành.

+ Trường hợp xe chưa được nộp phí kể từ ngày dừng lưu hành thì số phí phải nộp sẽ được tính từ thời điểm đăng ký lưu hành trở lại cho đến chu kỳ đăng kiểm tiếp theo, theo quy định.

+ Trường hợp xe đã được nộp phí thì sẽ được bù trừ số phí tương ứng trong thời gian nghỉ lưu hành vào số tiền phí phải nộp của kỳ tiếp theo. Đơn vị đăng kiểm ký Quyết định bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II.

Ví dụ 9: Ngày 01 tháng 01 năm 2022, doanh nghiệp X nộp phí cho xe ô tô với chu kỳ 18 tháng (đến ngày 30 tháng 6 năm 2023). Sau 01 tháng hoạt động, doanh nghiệp xin dừng hoạt động xe đến hết năm 2022 và được cơ quan quản lý cho dừng hoạt động 11 tháng. Ngày 01 tháng 01 năm 2023, khi xe đăng ký lưu hành trở lại, đơn vị đăng kiểm cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ có thời hạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2024 (cộng thêm 11 tháng kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2023).

Ví dụ 10: Cũng với giả định tại ví dụ 9 nêu trên, doanh nghiệp X xin dừng hoạt động xe 20 tháng (từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến ngày 30 tháng 9 năm 2023). Đến ngày 01 tháng 10 năm 2023, doanh nghiệp xin lưu hành xe, đơn vị đăng kiểm tính và cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ từ ngày 01 tháng 10 năm 2023 đến ngày 28 tháng 02 năm 2025 (17 tháng).

Trường hợp số tiền được bù trừ nhỏ hơn số phí phải nộp của kỳ nộp phí sau thì doanh nghiệp phải nộp số phí bổ sung cho khoảng thời gian chênh lệch giữa thời gian phải nộp phí theo chu kỳ đăng kiểm và thời gian được tính đối trừ phí, đơn vị đăng kiểm cấp biên lai thu phí theo số tiền phải nộp bổ sung.

Ví dụ 11: Doanh nghiệp Y có xe ô tô đã nộp phí 12 tháng. Sau khi nộp phí 05 tháng, xe dừng hoạt động 07 tháng. Đến hết 12 tháng, Doanh nghiệp Y đưa xe vào hoạt động, được đơn vị đăng kiểm quyết định cho bù trừ phí vào kỳ sau. Kỳ nộp phí sau là 12 tháng, doanh nghiệp Y sẽ được bù trừ số phí của 07 tháng đã nộp (tương ứng thời gian nghỉ lưu hành) và phải nộp phí bổ sung thêm 05 tháng. Đơn vị đăng kiểm cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ 12 tháng và cấp biên lai thu phí theo số tiền doanh nghiệp nộp 05 tháng.

Đối với xe bị tạm giữ phù hiệu, biển hiệu, doanh nghiệp nộp hồ sơ xin cấp lại biển hiệu, phù hiệu cho Sở Giao thông vận tải (nơi tạm giữ phù hiệu, biển hiệu) bao gồm: Đơn đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu theo Mẫu số 09 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, Quyết định về việc bù trừ phí sử dụng đường bộ hoặc biên lai thu phí trong trường hợp chưa nộp phí cho thời gian dừng lưu hành (nộp bản phô tô và mang bản chính để đối chiếu).

Sở Giao thông vận tải xem xét hồ sơ, cấp lại phù hiệu, biển hiệu (nếu có) cho doanh nghiệp.

3. Đối với xe ô tô quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Nghị định này, các doanh nghiệp lập hồ sơ gửi Sở Giao thông vận tải gồm:

- Đơn xin xác nhận xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ theo Mẫu số 10 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

- Bản sao giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

- Bản sao giấy đăng ký xe (của từng xe đề nghị).

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, Sở Giao thông vận tải thông báo cho doanh nghiệp bổ sung hồ sơ chậm nhất trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện xem xét, Sở Giao thông vận tải tiến hành kiểm tra thực tế doanh nghiệp và xác nhận vào Đơn đề nghị nếu các phương tiện đủ điều kiện theo nội dung kê khai của doanh nghiệp, thời gian thực hiện chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ. Trường hợp kết quả kiểm tra không đúng với đơn đề nghị, doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện lại hồ sơ, để Sở Giao thông vận tải xác nhận.

Doanh nghiệp nộp 01 bản Đơn đề nghị (có xác nhận của Sở Giao thông vận tải) cho đơn vị đăng kiểm, nơi doanh nghiệp đưa xe đến kiểm định.

Khi đăng kiểm xe, doanh nghiệp nộp bản sao Đơn đề nghị (có đóng dấu chứng thực của doanh nghiệp). Đơn vị đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu với Đơn đề nghị có dấu xác nhận của Sở Giao thông vận tải, nếu phù hợp sẽ không thu phí sử dụng đường bộ đối với các xe này kể từ ngày Sở Giao thông vận tải xác nhận.

Trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, nếu có sự tăng thêm về số lượng xe thuộc đối tượng này, doanh nghiệp làm đơn đề nghị xác nhận bổ sung gửi Sở Giao thông vận tải theo thủ tục nêu trên.

Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cho phép lưu hành xe trên hệ thống giao thông đường bộ (từ diện không chịu phí sang chịu phí), doanh nghiệp đến đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại, nộp phí sử dụng đường bộ để được tham gia giao thông. Đơn vị đăng kiểm kiểm tra, tính và thu phí cho phương tiện kể từ ngày chủ phương tiện đến đăng ký lưu hành trở lại.

4. Đối với xe ô tô quy định tại điểm e khoản 2 Điều 2 Nghị định này có các giấy tờ xuất cảnh, nhập cảnh của cấp có thẩm quyền nếu thời gian hoạt động ở nước ngoài từ 30 ngày trở lên thì chủ phương tiện không phải chịu phí cho thời gian này. Chủ phương tiện cung cấp giấy tờ chứng minh xe được xuất cảnh, nhập cảnh cho đơn vị đăng kiểm khi đăng kiểm; giấy tờ này được công chứng, chứng thực; nếu là bản phô tô thì chủ phương tiện phải có bản gốc để đối chiếu. Trường hợp xe đã được nộp phí cho thời gian hoạt động tại nước ngoài thì đơn vị đăng kiểm sẽ tính bù trừ số phí phải nộp của kỳ tiếp theo.

5. Đối với xe ô tô quy định tại điểm g khoản 2 Điều 2 Nghị định này chủ phương tiện phải xuất trình Đơn trình báo về việc mất tài sản có xác nhận của cơ quan công an. Trường hợp xe đã được nộp phí cho thời gian bị mất từ 30 ngày trở lên thì đơn vị đăng kiểm sẽ tính trả lại (hoặc bù trừ số phí phải nộp của kỳ tiếp theo nếu tìm lại được phương tiện).

Trường hợp tìm thấy phương tiện thì chủ phương tiện phải cung cấp cho đơn vị đăng kiểm Biên bản bàn giao tài sản do cơ quan công an thu hồi giao cho chủ phương tiện.

6. Trong trường hợp tổ chức thu phí phát hiện việc thu sai mức phí quy định hoặc nhầm loại phương tiện, đơn vị đăng kiểm phải liên hệ với chủ phương tiện để thu bổ sung (nếu thu thiếu) và trả lại phí (nếu thu thừa) cho chủ phương tiện. Trong các trường hợp này, đơn vị đều phải lập Biên bản xử lý việc thu sai mức phí sử dụng đường bộ giữa tổ chức thu phí và chủ phương tiện theo Mẫu số 11 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này để làm cơ sở thu bổ sung hoặc trả lại phí.

7. Đối với các xe thuộc lực lượng quốc phòng, công an khi chuyển sang biển dân sự thì chịu phí sử dụng đường bộ theo mức xe dân sự kể từ khi xe được cấp biển số mới.

### **Chương III** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 9. Tổ chức thực hiện**

##### **1. Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm:**

a) Hằng năm vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, Cục Đăng kiểm Việt Nam có văn bản hướng dẫn các đơn vị đăng kiểm trên toàn quốc dự kiến số thu phí sử dụng đường bộ, thống nhất phương thức thực hiện, gửi Cục Đăng kiểm Việt Nam làm cơ sở lập dự toán gửi Bộ Giao thông vận tải tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền. Trên cơ sở dự toán thu phí được Bộ Giao thông vận tải giao hằng năm, Cục Đăng kiểm Việt Nam có văn bản triển khai nhiệm vụ thu phí đến từng đơn vị đăng kiểm trên cả nước.

b) Tổ chức in ấn, cấp phát và quản lý sử dụng Tem nộp phí sử dụng đường bộ đối với ô tô theo mẫu được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

c) Hướng dẫn việc quản lý thu, nộp, trả lại phí; đôn đốc, kiểm tra hoạt động thu phí sử dụng đường bộ của các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới trên cả nước (số thu, số nộp hằng năm) để đảm bảo đơn vị đăng kiểm nộp đầy đủ, đúng hạn khoản thu phí sử dụng đường bộ vào ngân sách nhà nước. Báo cáo Bộ Giao thông vận tải tổ chức thực hiện kiểm tra, quyết toán thu phí sử dụng đường bộ đối với các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới theo quy định.

##### **2. Các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới có trách nhiệm:**

a) Thực hiện nhiệm vụ thu phí, quản lý thu nộp, trả lại phí sử dụng đường bộ đối với các phương tiện đến đăng kiểm theo đúng quy định của Nghị định này và hướng dẫn của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Thực hiện chuyển số tiền phí sử dụng đường bộ thu được về tài khoản chuyên thu phí sử dụng đường bộ theo quy định của Nghị định này và theo hướng dẫn của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

c) Hằng năm, gửi báo cáo quyết toán thu phí sử dụng đường bộ trong năm về Cục Đăng kiểm Việt Nam trước ngày 20 tháng 01 năm sau để Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện quyết toán theo quy định pháp luật.

##### **3. Tổng cục Đường bộ Việt Nam lập dự toán và báo cáo kết quả thu phí sử**



dụng đường bộ hằng năm gửi Bộ Giao thông vận tải tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

4. Căn cứ số dự kiến thu phí sử dụng đường bộ năm kế hoạch do Cục Đăng kiểm Việt Nam và Tổng cục đường bộ Việt Nam xây dựng, Bộ Giao thông vận tải lập dự toán thu phí sử dụng đường bộ và tổng hợp chung trong dự toán ngân sách hằng năm của Bộ Giao thông vận tải, gửi Bộ Tài chính cùng thời điểm thảo luận dự toán thu - chi ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

#### **Điều 10. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.

2. Bãi bỏ:

a) Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 09/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ đã ban hành bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về quỹ bảo trì đường bộ.

b) Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

3. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí sử dụng đường bộ không quy định tại Nghị định này, thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí, Luật Quản lý thuế, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

4. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b).

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**

**Phụ lục I**

(Kèm theo Nghị định số /2022/NĐ-CP  
ngày tháng năm 2022 của Chính phủ)

**BIỂU MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ****1. Mức thu phí (trừ quy định tại điểm 2 và điểm 3 dưới đây)**

<b>Số TT</b>	<b>Loại phương tiện chịu phí</b>	<b>Mức thu (nghìn đồng)</b>						
		<b>1 tháng</b>	<b>3 tháng</b>	<b>6 tháng</b>	<b>12 tháng</b>	<b>18 tháng</b>	<b>24 tháng</b>	<b>30 tháng</b>
1	Xe chở người dưới 10 chỗ đăng ký tên cá nhân, hộ kinh doanh.	130	390	780	1.560	2.280	3.000	3.660
2	Xe chở người dưới 10 chỗ (trừ xe quy định tại điểm 1 nêu trên); xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ dưới 4.000 kg; các loại xe buýt vận tải hành khách công cộng (bao gồm cả xe đưa đón học sinh, sinh viên, công nhân được hưởng chính sách trợ giá như xe buýt); xe chở hàng và xe chở người 4 bánh có gắn động cơ.	180	540	1.080	2.160	3.150	4.150	5.070
3	Xe chở người từ 10 chỗ đến dưới 25 chỗ; xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 4.000 kg đến dưới 8.500 kg	270	810	1.620	3.240	4.730	6.220	7.600
4	Xe chở người từ 25 chỗ đến dưới 40 chỗ; xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 8.500 kg đến dưới 13.000 kg	390	1.170	2.340	4.680	6.830	8.990	10.970
5	Xe chở người từ 40 chỗ trở lên; xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 13.000 kg đến dưới 19.000 kg; xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo đến dưới 19.000 kg	590	1.770	3.540	7.080	10.340	13.590	16.600
6	Xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 19.000 kg đến dưới 27.000 kg; xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo từ 19.000 kg đến dưới 27.000 kg	720	2.160	4.320	8.640	12.610	16.590	20.260

Số TT	Loại phương tiện chịu phí	Mức thu (nghìn đồng)						
		1 tháng	3 tháng	6 tháng	12 tháng	18 tháng	24 tháng	30 tháng
7	Xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 27.000 kg trở lên; xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo từ 27.000 kg đến dưới 40.000 kg	1.040	3.120	6.240	12.480	18.220	23.960	29.270
8	Xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo từ 40.000 kg trở lên	1.430	4.290	8.580	17.160	25.050	32.950	40.240

**Ghi chú:**

- Mức thu của 01 tháng năm thứ 2 (từ tháng thứ 13 đến tháng thứ 24 tính từ khi đăng kiểm và nộp phí) bằng 92% mức phí của 01 tháng trong Biểu nêu trên.

- Mức thu của 01 tháng năm thứ 3 (từ tháng thứ 25 đến tháng thứ 30 tính từ khi đăng kiểm và nộp phí) bằng 85% mức phí của 01 tháng trong Biểu nêu trên.

- Thời gian tính phí theo Biểu nêu trên tính từ khi đăng kiểm xe, không bao gồm thời gian của chu kỳ đăng kiểm trước. Trường hợp chủ phương tiện chưa nộp phí của chu kỳ trước thì phải nộp bổ sung tiền phí của chu kỳ trước, số tiền phải nộp = Mức thu 01 tháng x Số tháng phải nộp của chu kỳ trước.

- Khối lượng toàn bộ là: Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông ghi trên giấy chứng nhận kiểm định của phương tiện.

**2. Mức thu phí đối với xe của lực lượng quốc phòng**

Số TT	Loại phương tiện	Mức thu (nghìn đồng/năm)
1	Xe ô tô con quân sự	1.000
2	Xe ô tô vận tải quân sự	1.500

**3. Mức thu phí đối với xe của lực lượng công an**

Số TT	Loại phương tiện	Mức thu (nghìn đồng/năm)
1	Xe dưới 7 chỗ ngồi	1.000
2	Xe ô tô từ 7 chỗ ngồi trở lên, xe khách, xe vận tải, xe ô tô chuyên dùng	1.500

**Phụ lục II**

*(Kèm theo Nghị định số     /2022/NĐ-CP  
ngày     tháng     năm 2022 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ
Mẫu số 02	Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định
Mẫu số 03	Quyết định về việc trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ
Mẫu số 04	Thông báo về việc không được trả lại/bù trừ tiền phí
Mẫu số 05	Đơn xin tạm dừng lưu hành
Mẫu số 06	Thông báo về việc không đủ điều kiện đăng ký tạm dừng lưu hành
Mẫu số 07	Biên bản tạm giữ phù hiệu, biển hiệu kinh doanh vận tải
Mẫu số 08	Thông báo chưa đủ điều kiện xét thuộc diện không chịu phí
Mẫu số 09	Đơn đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu
Mẫu số 10	Đơn xin xác nhận xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ
Mẫu số 11	Biên bản xử lý việc thu sai mức phí sử dụng đường bộ
Mẫu số 12	Biên bản thu Tem nộp phí sử dụng đường bộ
Mẫu số 13	Đơn đề nghị cấp lại Tem nộp phí sử dụng đường bộ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng.... năm 20...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**Trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ**

Kính gửi: .....(tên cơ quan trả lại/bù trừ phí).....

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại/bù trừ phí**

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Số CMND/Căn cước/Hộ chiếu: ..... Điện thoại: .....

Địa chỉ :.....Quận/huyện: .....Tỉnh/thành phố: .....

**II. Nội dung đề nghị trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ**

1. Thông tin về khoản phí đề nghị trả lại/bù trừ:

- Phương tiện đã nộp phí:..... (loại xe, biển số xe).....

- Thời gian đã nộp phí: Từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....

- Số tiền phí đã nộp:.....

- Số tiền phí đề nghị trả lại/bù trừ:.....

- Lý do đề nghị trả lại/bù trừ:.....

2. Hình thức đề nghị trả phí

2.1. Bù trừ: ☐

2.2. Trả lại tiền phí: Tiền mặt: ☐ Chuyển khoản: ☐

Chuyển tiền vào tài khoản số: .....tại ngân hàng:.....

(hoặc) Người nhận tiền: ..... Số CMND/Căn cước/HC: .....

cấp ngày .....tại.....

**III. Tài liệu gửi kèm (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao)**

1.....

2.....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

**Người đề nghị**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

**TÊN ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM      CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.... tháng.... năm 20...

**BIÊN BẢN**

**Thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định**

Vào hồi .... giờ.... ngày ... tháng ... năm 20....

Tại đơn vị đăng kiểm xe cơ giới:....., địa chỉ:.....  
 điện thoại:.....

Chúng tôi gồm:

**I. Đại diện cho đơn vị đăng kiểm xe cơ giới**

1. Ông: ....., Chức vụ: Lãnh đạo.
2. Ông: ....., Chức vụ: nhân viên.

**II. Đại diện cho chủ phương tiện có biển số phương tiện: .....**

Ông: ....., là chủ phương tiện/lái xe. Số điện thoại:..... Số CMND/Căn cước/Giấy phép lái xe:.....; nơi cấp:....., ngày cấp....../.../20...

Cùng nhau lập Biên bản xác nhận thời điểm thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định làm cơ sở để tính trả lại phí hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ trong thời gian sửa chữa, phục hồi tình trạng kỹ thuật sau tai nạn, cụ thể:

Ông .....đã nộp lại Tem và Giấy chứng nhận kiểm định có số sê ri: ..... do... (đơn vị đăng kiểm xe cơ giới) .....cấp ngày:....../.../20... có hiệu lực đến ngày ...../.../20....

Lý do: Xe bị tai nạn giao thông không thể lưu hành được phải sửa chữa.

Biên bản được lập thành hai bản có giá trị như nhau, 01 bản giao cho chủ phương tiện, 01 bản lưu tại đơn vị đăng kiểm thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định.

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**NHÂN VIÊN ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

TÊN CQ CẤP TRÊN  
CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

....., ngày.... tháng.... năm 20...

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ

#### CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Nghị định số .../2022/NĐ-CP ngày / /2022 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ;

Căn cứ vào Giấy đề nghị trả lại/bù trừ tiền phí (hoặc đơn đề nghị lưu hành trở lại) ngày .../... /20.. kèm theo hồ sơ của: ....(Tên người nộp phí)....;

Theo đề nghị của .....,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ cho.. (Tên người nộp phí):....

- Tổng số tiền phí là: ..... đồng (bằng chữ: .....)

- Phương tiện được trả lại/bù trừ: ..(Loại xe, biển số xe hoặc danh sách phương tiện kèm theo)

- Thời gian phương tiện không sử dụng và được trả lại/bù trừ phí: Từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....

Lý do trả lại/bù trừ phí: .....

Hình thức trả lại/bù trừ tiền: ☐ Trả lại: Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☐

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.....(Tên người nộp phí)...., ...(bộ phận liên quan của tổ chức thu phí)... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, .....

#### THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



TÊN ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

....., ngày... tháng... năm 20....

**THÔNG BÁO****Về việc không được trả lại/bù trừ tiền phí**

Đơn vị đăng kiểm nhận được Giấy đề nghị trả lại/bù trừ khoản thu phí sử dụng đường bộ ngày ... tháng ... năm ... của ...(*Tên người nộp phí, mã số thuế*)... và hồ sơ gửi kèm theo.

Căn cứ Nghị định số .../2022/NĐ-CP ngày ... / /2022 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

Hồ sơ đề nghị trả lại/bù trừ phí của ...(*Tên người nộp phí*)... không thuộc đối tượng, trường hợp được trả lại/bù trừ phí hoặc có số tiền phí không được trả lại/bù trừ là .....đồng.

Lý do: ...(*nêu rõ lý do không được trả lại phí và căn cứ cụ thể*).....

Nếu có vướng mắc, xin liên hệ với đơn vị đăng kiểm để được giải đáp.

Số điện thoại: .....

Địa chỉ: ...../.

**Nơi nhận:**

- ...(*Tên người nộp phí*)...;
- .....
- Lưu VT, ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

(*Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu*)

**TÊN ĐƠN VỊ**

Số: .....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày... tháng... năm 20...

**ĐƠN XIN TẠM DỪNG LƯU HÀNH**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tên:... *Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (gọi chung là doanh nghiệp)...*

Số ĐKKD:..... cấp ngày:.....

Địa chỉ cơ quan:.....

Đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét, chấp thuận và thực hiện tạm giữ phù hiệu, biển hiệu làm cơ sở cho... *(Tên doanh nghiệp)...* để làm căn cứ xác định thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ đối với các phương tiện nêu dưới đây:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Số phù hiệu, biển hiệu (nếu có)	Thời gian dự kiến tạm dừng hoạt động
1				Từ ngày.... đến ngày...
2				

Sở Giao thông vận tải tỉnh..... xác nhận các xe nêu trên đúng là xe thuộc sở hữu của doanh nghiệp; doanh nghiệp xin nghỉ lưu hành từ ngày... tháng... năm....

Sở Giao thông vận tải đã lập biên bản tạm giữ phù hiệu, biển hiệu của xe kể từ ngày ... tháng ... năm ....

Đơn này được lập thành 03 bản, 02 bản giao cho chủ phương tiện (01 bản lưu, 01 bản để kèm hồ sơ gửi đơn vị đăng kiểm (trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày Sở Giao thông xác nhận vào đơn) làm thủ tục xác định xe dừng sử dụng), 01 bản lưu tại Sở Giao thông vận tải.

**LÃNH ĐẠO SỞ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**  
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN CQ CẤP TRÊN  
TÊN CQ RA THÔNG BÁO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

....., ngày... tháng... năm 20....

### THÔNG BÁO

Về việc không đủ điều kiện đăng ký tạm dừng lưu hành

...(Cơ quan thông báo)..... nhận được hồ sơ của... (doanh nghiệp).....

Căn cứ Nghị định số .../2022/NĐ-CP ngày / /2022 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

Qua nghiên cứu, hồ sơ của ...(doanh nghiệp)..... chưa đủ điều kiện để đăng ký tạm dừng lưu hành theo quy định.

Lý do: ... (nêu rõ lý do không được đăng ký tạm dừng lưu hành).....

Nếu có vướng mắc, xin liên hệ theo số điện thoại: ..... để được giải đáp./.

Nơi nhận:

- ...(tên doanh nghiệp)....;
- .....
- Lưu VT, ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA THÔNG BÁO**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**TÊN SỞ GTVT**

Số: .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm 20...

**BIÊN BẢN****Tạm giữ phù hiệu, biển hiệu kinh doanh vận tải**

Vào hồi ..... giờ .... ngày ..... tháng .... năm .....

Tại Sở Giao thông vận tải: ....., điện thoại .....

Địa chỉ: .....

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện cho Sở Giao thông vận tải

- Lãnh đạo: .....

- Nhân viên: .....

2. Đại diện cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải

Ông (bà): .....

Số CMND/Căn cước: ....., cấp ngày: ..... tại:.....

Cùng nhau lập biên bản xác nhận đã thực hiện tạm giữ phù hiệu, biển hiệu kinh doanh vận tải từ ngày....tháng..... năm 20... làm căn cứ xác định phương tiện dừng lưu hành để xét thuộc trường hợp không chịu phí sử dụng đường bộ đối với các phương tiện sau:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Đơn vị cấp	Số phù hiệu, biển hiệu

Biên bản được lập thành 03 bản, 02 bản giao cho chủ phương tiện (trong đó chủ phương tiện lưu 01 bản, 01 bản để kèm theo hồ sơ gửi đơn vị đăng kiểm thực hiện thu Tem nộp phí sử dụng đường bộ), 01 bản lưu tại Sở Giao thông vận tải.

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**CÁN BỘ SỞ GTVT**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**LÃNH ĐẠO SỞ GTVT**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CQ CẤP TRÊN  
TÊN CQ RA THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

....., ngày... tháng... năm 20....

### THÔNG BÁO

**Về việc chưa đủ điều kiện thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ**

Đơn vị đăng kiểm nhận được Đơn đề nghị cấp tem nộp phí sử dụng đường bộ... ngày ... tháng ... năm ... của ...(doanh nghiệp)... và hồ sơ gửi kèm theo.

Căn cứ Nghị định số .../2022/NĐ-CP ngày / /2022 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

Qua nghiên cứu, hồ sơ của ..... (doanh nghiệp).....chưa đủ điều kiện thuộc đối tượng không chịu phí sử dụng đường bộ trong thời gian tạm dừng lưu hành.

Lý do: ...(nêu rõ lý do không được đăng ký tạm dừng lưu hành)...

Nếu có vướng mắc, xin liên hệ theo số điện thoại: ..... để được giải đáp.

**Nơi nhận:**

- ...(Tên doanh nghiệp)....;
- .....
- Lưu VT, ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng .. năm 20..

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Trả lại phù hiệu, biển hiệu**

---

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tên tôi là:.....

Số CMND/Căn cước:..... cấp tại:..... cấp ngày:.....

Đại diện cho:.....

Giấy giới thiệu số:.....

Ngày.../.../202.., tôi đã có Đơn và đã nộp phù hiệu, biển hiệu để làm căn cứ xác định thời gian tạm dừng hoạt động của các phương tiện. Nay tôi làm đơn này đề nghị quý Sở xem xét trả lại phù hiệu, biển hiệu cho các phương tiện sau đây để được tiếp tục lưu hành, bao gồm:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Đơn vị cấp	Số phù hiệu, biển hiệu

Tôi xin cảm ơn!

**Người làm đơn**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

TÊN CQ CẤP TRÊN  
TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

....., ngày... tháng... năm 20...

**ĐƠN XIN XÁC NHẬN**  
**Xe ô tô không tham gia giao thông,**  
**không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tên đơn vị đề nghị:.....

Số ĐKKD: ..... cấp ngày:.....

Địa chỉ:.....

**1. Đề nghị của đơn vị**

Đề nghị Sở Giao thông vận tải kiểm tra và xác nhận phương tiện thuộc sở hữu của doanh nghiệp chúng tôi là xe dùng để:....., để làm căn cứ xác định thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ đối với các phương tiện nêu dưới đây:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Tuyến đường/khu vực hoạt động
1	<i>Ví dụ: Xe tải</i>	<i>14M-1234</i>	<i>Mỏ Than Móng Dương</i>
2			

2. Sở Giao thông vận tải đã kiểm tra và xác nhận các phương tiện nêu trên là các xe dùng để.....; theo đúng nội dung đã kê khai. Đơn vị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai và sử dụng phương tiện.

Đơn này được lập thành 03 bản, 02 bản giao cho chủ phương tiện (01 bản lưu, 01 bản để kèm hồ sơ gửi đơn vị đăng kiểm làm thủ tục xác định xe dùng sử dụng), 01 bản lưu tại Sở Giao thông vận tải.

....., ngày .....tháng.....năm.....

**LÃNH ĐẠO SỞ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)



**TÊN ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM      CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày... tháng... năm 20...

**BIÊN BẢN****Xử lý việc thu sai mức phí sử dụng đường bộ**

Vào hồi .... giờ..... ngày .....tháng.....năm 20....

Tại đơn vị đăng kiểm xe cơ giới:..... địa chỉ:.....  
 điện thoại:.....

Chúng tôi gồm:

**I. Đại diện cho đơn vị đăng kiểm xe cơ giới**

1. Ông: ....., Chức vụ: Lãnh đạo;

2. Ông: ....., Chức vụ: Nhân viên.

**II. Đại diện cho chủ phương tiện có biển số phương tiện: .....**

Ông: ..... là chủ phương tiện/lái xe. Số điện thoại:..... Số CMND/Căn cước/Giấy phép lái xe:.....; nơi cấp:....., ngày cấp...../...../20...

Cùng nhau lập Biên bản này để xác định số phí phải thu bổ sung (hoặc phải hoàn trả) bởi nguyên nhân:.....

Số tiền thu bổ sung (hoặc trả lại) là:.....

Bằng chữ:.....

Biên bản được lập thành hai bản có giá trị như nhau, 01 bản giao cho chủ phương tiện, 01 bản lưu tại đơn vị đăng kiểm thu phí.

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

**NHÂN VIÊN ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**TÊN ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM      CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày... tháng... năm 20...

**BIÊN BẢN**  
**Thu Tem nộp phí sử dụng đường bộ**

Vào hồi ..... giờ .... ngày ..... tháng .... năm .....

Tại đơn vị đăng kiểm xe cơ giới: ....., điện thoại:.....

Địa chỉ: .....

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện cho đơn vị đăng kiểm xe cơ giới

- Lãnh đạo: .....

- Nhân viên: .....

2. Đại diện cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải:

Ông (bà): .....

Số CMND/Căn cước:....., cấp ngày:..... tại:.....

Cùng nhau lập biên bản xác nhận đã thu tem nộp phí sử dụng đường bộ để làm căn cứ xét phương tiện thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ cho các phương tiện sau đây.

Số T T	Biển số đăng ký	Tem nộp phí sử dụng đường bộ		
		Số sê-ri	Đơn vị cấp	Thời hạn

Biên bản được lập thành 02 bản, 01 bản giao cho chủ phương tiện, 01 bản lưu tại đơn vị đăng kiểm thu tem.

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

**NHÂN VIÊN ĐƠN VỊ  
 ĐĂNG KIỂM**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
 ĐĂNG KIỂM**  
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Cấp lại tem nộp phí sử dụng đường bộ**

Kính gửi: Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới.....

Tên tôi là: ....., đại diện cho ...(doanh nghiệp).....

Số CMND/Căn cước:..... cấp ngày:..... cấp tại:.....

Địa chỉ (theo hộ khẩu thường trú):.....

Ngày.../.../20.., Tôi đã có Đơn và đã nộp Tem nộp phí sử dụng đường bộ để làm căn cứ xác định thời gian tạm dừng hoạt động của các phương tiện. Nay đề nghị được cấp lại Tem nộp phí sử dụng đường bộ cho các phương tiện sau đây để được tiếp tục lưu hành, bao gồm:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Ghi chú
1			
2			

Đơn đề nghị này được lập thành 02 bản, 01 bản giao cho chủ phương tiện, 01 bản lưu tại đơn vị đăng kiểm.

**DOANH NGHIỆP**  
(Ký tên và đóng dấu)

**NHÂN VIÊN ĐƠN VỊ**  
**ĐĂNG KIỂM**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
**ĐĂNG KIỂM**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG**  
**Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn,**  
**quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ**

**I. GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN NGHỊ ĐỊNH**

**1. Quy định pháp luật về phí sử dụng đường bộ**

a) Tại tiết 1.1 điểm 1 Mục V Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí quy định: Phí sử dụng đường bộ: Bộ Tài chính quy định đối với đường thuộc Trung ương; HĐND cấp tỉnh quyết định đối với đường thuộc địa phương quản lý.

- Tại Điều 3 Nghị quyết số 86/2019/QH14 ngày 12/11/2019 của Quốc hội về dự toán Ngân sách nhà nước năm 2020 giao Chính phủ: *Quy định cụ thể việc thu, nộp và sử dụng thu phí sử dụng đường bộ qua đầu phương tiện ô tô trong cả nước, bao gồm cả đường thuộc trung ương quản lý và đường thuộc địa phương quản lý và thực hiện phân chia nguồn thu này theo Nghị quyết số 73/2018/NQ-QH14 ngày 14/11/2018 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương.*

- Ngày 13/01/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 09/2020/NĐ-CP bãi bỏ một số văn bản quy pháp pháp luật về quỹ bảo trì đường bộ, tại khoản 1 Điều 2 quy định: *“Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải quy định việc thu, nộp và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô thống nhất trong cả nước, bao gồm cả đường bộ thuộc trung ương quản lý và đường bộ thuộc địa phương quản lý theo quy định của pháp luật về phí, ngân sách nhà nước. Phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô (sau khi trừ chi phí tổ chức thu) được nộp toàn bộ vào ngân sách trung ương, sử dụng để quản lý, bảo trì đường bộ”.*

Căn cứ quy định nêu trên và trên cơ sở đề xuất của Bộ GTVT, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12/8/2021 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

b) Ngày 13/11/2021, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 40/2021/QH15 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022, tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết giao Chính phủ: *“4. Quy định cụ thể việc thu, nộp và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô thống nhất trong cả nước, bao gồm cả đường bộ thuộc Trung ương quản lý và đường bộ thuộc địa phương quản lý; thực hiện phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương nguồn thu phí*

*sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô theo tỷ lệ tương ứng là 65% và 35% để chi cho quản lý, bảo trì đường bộ”.*

Ngày 03/12/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2047/QĐ-TTg về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022. Trong đó, tại điểm c khoản 4 Điều 2 giao: *Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định cụ thể việc thu, nộp và quản lý sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô thống nhất trong cả nước, bao gồm cả đường bộ thuộc Trung ương quản lý và đường bộ thuộc địa phương quản lý.*

Căn cứ quy định nêu trên, Bộ Tài chính xây dựng dự thảo Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

## **2. Mục tiêu, quan điểm xây dựng Nghị định**

- Quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng; thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đặc biệt là đầu tư phát triển hệ thống đường cao tốc.

- Đảm bảo đồng bộ với quy định pháp luật về: phí, lệ phí, giao thông đường bộ, ngân sách nhà nước, quản lý thuế và pháp luật liên quan.

- Huy động kịp thời, hợp lý nguồn lực từ người sử dụng đường bộ để tạo nguồn lực cho bảo trì hệ thống đường bộ do Nhà nước quản lý.

- Phù hợp với tình hình thực tiễn, kế thừa nội dung quy định thu phí sử dụng đường bộ hiện hành.

## **3. Một số nội dung quy định trong Nghị định**

### **3.1. Bố cục dự thảo Nghị định**

Với mục tiêu và quan điểm xây dựng Nghị định nêu trên, nội dung Nghị định tập trung vào một số vấn đề chủ yếu, bao gồm 03 Chương, 10 Điều, cụ thể:

- Chương I. Quy định chung: Chương này gồm 04 Điều (từ Điều 1 đến Điều 4) quy định về: Phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; các trường hợp miễn phí; người nộp phí và tổ chức thu phí.

- Chương II. Quy định cụ thể: Chương này gồm 04 Điều (từ Điều 5 đến Điều 8) quy định về: Mức thu phí; phương thức tính, nộp phí; quản lý và sử dụng phí; trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp.

- Chương III. Tổ chức thực hiện: Chương này gồm 02 Điều (Điều 9 và Điều 10) quy định về: Tổ chức thực hiện; hiệu lực thi hành.

### **3.2. Nội dung dự thảo Nghị định**

Năm 2021, Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ GTVT đánh giá tình hình thực hiện thu phí sử dụng đường bộ và ban hành Thông tư số 70/2021/TT-BTC. Vì vậy, nội dung Nghị định cơ bản kế thừa nội dung đang quy định tại Thông tư số 70/2021/TT-BTC. Cụ thể như sau:

(i) *Về Chương I. Quy định chung:* Chương này gồm 04 Điều quy định các nội dung cơ bản như sau:

- Về phạm vi điều chỉnh: Tại Điều 1 dự thảo Nghị định quy định “Nghị định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ (phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô) *thuộc ngân sách nhà nước*”. Nội dung kế thừa quy định tại Thông tư số 70/2021/TT-BTC, bổ sung thêm cụm từ “*thuộc ngân sách nhà nước*” để phân biệt với phí dịch vụ đường bộ hoàn vốn các dự án đầu tư theo hình thức BOT.

- Đối tượng áp dụng: dự thảo Nghị định quy định đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ là ô tô (xe ô tô, xe đầu kéo và các loại xe tương tự) đã đăng ký, kiểm định để lưu hành. Đồng thời, quy định một số trường hợp xe không chịu phí sử dụng đường bộ do: bị hủy hoại, bị tịch thu, bị tai nạn không thể sử dụng tiếp sau sửa chữa; xe không sử dụng đường bộ trong thời gian dài trên 30 ngày (trong đó, có xe kinh doanh vận tải cầu doanh nghiệp kinh doanh vận tải tạm dừng lưu hành liên tục 30 ngày trở lên).

- Nghị định quy định 05 trường hợp miễn phí gồm: Xe cứu thương, xe cứu hỏa, xe phục vụ tang lễ, xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh.

- Các Trung tâm đăng kiểm thu phí đối với các loại xe ô tô (trừ xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng) khi thực hiện đăng kiểm xe. Tổng cục Đường bộ Việt Nam thu phí đối với xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng (xe này do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quản lý và kiểm định).

(ii) *Về Chương II. Quy định cụ thể:* Chương này gồm 04 Điều quy định các nội dung cơ bản như sau:

- Mức thu phí áp dụng cho ô tô (trừ xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng) chia làm 08 nhóm theo tải trọng và ghế ngồi của xe: từ 130.000 đồng/tháng đến 1.430.000 đồng/tháng; xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng chia làm 02 nhóm: xe ô tô con mức 1.000.000 đồng/năm; xe tải, xe khách: 1.500.000 đồng/năm (*phí sử dụng đường bộ nộp cho xe ô tô của công an, quốc phòng do NSNN đảm bảo*).

- Về cách tính và thu phí: (i) Xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng: Bộ Công an, Bộ Quốc phòng nộp phí cho toàn bộ xe ô tô mình quản lý 01 lần/năm; (ii) Xe ô tô còn lại nộp theo: chu kỳ đăng kiểm; theo năm dương lịch; theo tháng đối với trường hợp doanh nghiệp có số phí phải nộp từ 30 triệu đồng trở lên.

- Về quản lý, sử dụng tiền phí: Tổng cục Đường bộ Việt Nam được để lại 1,2% tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí. Các Trung tâm đăng kiểm thu phí nộp về Cục Đăng kiểm Việt Nam (trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày thu phí) để Cục Đăng kiểm Việt Nam tổng hợp và khai, nộp phí vào NSNN. Các Trung tâm đăng kiểm được để lại 1,32% tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí. Trường hợp Trung tâm đăng kiểm thuộc doanh nghiệp thì tiền phí để lại là doanh thu của Trung tâm, Trung tâm khai, nộp thuế theo quy định.

- Về hoàn trả, bù trừ phí: Tại Điều 2 dự thảo Nghị định một số trường hợp xe không chịu phí sử dụng đường bộ. Trường hợp xe này đã nộp phí cho thời gian dừng lưu hành (thuộc diện không chịu phí) thì sẽ được bù trừ hoặc hoàn trả số tiền phí đã nộp. Điều 8 Nghị định quy định cụ thể trình tự, thủ tục, hồ sơ hoàn trả, bù trừ tiền phí đối với từng trường hợp cụ thể.

(iii) *Về Chương III. Tổ chức thực hiện:* Chương này gồm 02 Điều quy định về trách nhiệm của Trung tâm đăng kiểm, Cục Đăng kiểm Việt Nam, Tổng cục Đường bộ Việt Nam trong việc tổ chức thu thực hiện quản lý thu, nộp phí, báo cáo kết quả thu, nộp phí. Nghị định có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Đánh giá tác động của dự thảo Nghị định đối với hệ thống pháp luật và hệ thống chính sách thuế, phí, lệ phí**

#### **a) Vấn đề đặt ra**

Năm 2021, Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ GTVT đánh giá tình hình thực hiện thu phí sử dụng đường bộ và ban hành Thông tư số 70/2021/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2021.

Ngày 13/11/2021, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 40/2021/QH15 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022, tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết giao Chính phủ: *Quy định cụ thể việc thu, nộp và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô thống nhất trong cả nước, bao gồm cả đường bộ thuộc Trung ương quản lý và đường bộ thuộc địa phương quản lý; thực hiện phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương nguồn thu phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô theo tỷ lệ tương ứng là 65% và 35% để chi cho quản lý, bảo trì đường bộ.*

Ngày 03/12/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2047/QĐ-TTg về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022. Trong đó, tại điểm c khoản 4 Điều 2 giao: *Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định cụ thể việc thu, nộp và quản lý sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô thống nhất trong cả nước, bao gồm cả đường bộ thuộc Trung ương quản lý và đường bộ thuộc địa phương quản lý.*

Căn cứ quy định nêu trên cần thiết xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ; để đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật.

#### **b) Phương án đề xuất**

Trên cơ sở kế thừa các quy định tại Thông tư số 70/2021/TT-BTC hiện hành, dự thảo Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ nhằm quy định rõ về phạm vi điều chỉnh, đối tượng chịu phí, các trường hợp miễn phí, người nộp phí, tổ chức thu phí, phương thức tính, nộp phí, trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp theo hướng đơn giản dễ tính, dễ khai

nộp. Việc quản lý và sử dụng phí thu được đảm bảo đồng bộ và phù hợp với Luật phí và lệ phí, Luật ngân sách nhà nước và pháp luật về quản lý thuế hiện hành.

### c) Tác động dự kiến

Dự thảo Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ sẽ được trình Chính phủ ban hành, nhằm:

- Đồng bộ hệ thống văn bản pháp lý về quản lý phí, lệ phí, góp phần tạo thuận lợi cho việc triển khai thu phí sử dụng đường bộ.

- Công tác tổ chức thu, nộp và quản lý, sử dụng nguồn thu phí sử dụng đường bộ được công khai, minh bạch, tạo sự chủ động cho các đơn vị quản lý thu, nộp và sử dụng phí sử dụng đường bộ; thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính.

- Từng bước đổi mới cơ chế quản lý phí sử dụng đường bộ gắn với xã hội hóa; nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của các tổ chức, cá nhân trong thực hiện quyền và trách nhiệm thu, nộp phí sử dụng đường bộ.

- Đồng thời, nâng cao ý thức, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong duy tu, tái tạo, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

## **2. Đánh giá tác động của dự thảo Nghị định đối với kinh tế - xã hội**

### a) Vấn đề đặt ra

Nguồn thu phí sử dụng đường bộ góp thêm nguồn kinh phí phục vụ công tác quản lý, bảo trì các tuyến đường giao thông nhằm phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên cả nước.

### b) Phương án đề xuất

Dự thảo Nghị định quy định: Tiền phí thu được sau khi trừ đi số tiền để lại cho tổ chức thu trang trải chi phí cho hoạt động thu phí, nộp toàn bộ vào NSNN để chi cho công tác bảo trì hệ thống kết cấu giao thông đường bộ theo quy định tại Luật Giao thông đường bộ.

### c) Đánh giá tác động

Hiện nay, mạng lưới đường bộ Việt Nam đang khai thác dài 668.750 km, trong đó: Hệ thống quốc lộ với 154 tuyến dài 24.598 km do Bộ GTVT quản lý (trong đó 21.416 Km đang thực hiện quản lý, bảo trì sử dụng nguồn ngân sách nhà nước), chiếm 3,68% chiều dài hệ thống đường bộ (không kể đường thôn xóm, nội đồng). Hệ thống đường bộ lớn, nhu cầu duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ lớn, trong khi nguồn lực có hạn; điều này dẫn đến hệ thống đường bộ nhanh xuống cấp và gây mất an toàn giao thông cũng như ảnh hưởng đến nhu cầu đi lại của người dân.

Hàng năm, số tiền phí sử dụng đường bộ thu được (khoảng 9.000 tỷ đồng) Ngân sách nhà nước còn phải cấp bổ sung khoảng 3.000 tỷ đồng/năm để phục vụ công tác quản lý, bảo trì đường bộ. Tuy nhiên, số tiền này mới đảm bảo khoảng 40% nhu cầu chi cho hoạt động bảo trì đường bộ. Như vậy, việc thu phí sử dụng đường bộ góp phần tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước để đầu tư



duy tu, bảo trì hệ thống giao thông đường bộ; phục vụ cho hoạt động lưu thông hàng hóa và đi lại của người dân; khuyến khích phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo nhu cầu đi lại của người dân.

Các tuyến đường bộ được sửa chữa kịp thời các hư hỏng, bảo đảm hệ thống đường bộ thông suốt, an toàn và phát huy hiệu quả góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh, phát triển các lĩnh vực văn hoá, xã hội, giảm nhẹ thiên tai, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống nhân dân, xoá đói, giảm nghèo, rút ngắn khoảng cách giữa các vùng, miền.

Giao thông đường bộ được thuận tiện đã tiết kiệm chi phí xã hội rất lớn cụ thể là nâng cao tốc độ, rút ngắn thời gian hành trình, giảm giá thành vận tải và chi phí đi lại, nâng cao chất lượng và độ tin cậy của hệ thống giao thông đường bộ, cải thiện khả năng lưu thông trong khu vực dân cư và khu vực phát triển, nâng cao khả năng tiếp cận thị trường, các dịch vụ xã hội, tăng khả năng an toàn, giảm bớt ách tắc và tai nạn giao thông tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội địa phương và cả nước, đảm bảo và củng cố an ninh quốc phòng giai đoạn hiện nay.

### **3. Đánh giá tác động của dự thảo Nghị định đối với công dân, doanh nghiệp**

#### **a) Vấn đề đặt ra**

Phí sử dụng đường bộ tác động mọi tổ chức, cá nhân sử dụng xe ô tô tham gia giao thông. Vì vậy, đây là trách nhiệm xã hội và việc thu khoản phí này phải đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong thực hiện các chính sách, pháp luật của Nhà nước.

#### **b) Phương án đề xuất**

- Xe ô tô không chịu phí sử dụng đường bộ trong các trường hợp sau: Bị hủy hoại do tai nạn hoặc thiên tai; bị tịch thu hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; bị tai nạn đến mức không thể tiếp tục lưu hành phải sửa chữa từ 30 ngày trở lên; xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên; xe ô tô của doanh nghiệp không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ; xe ô tô đăng ký, đăng kiểm tại Việt Nam nhưng hoạt động tại nước ngoài liên tục từ 30 ngày trở lên; xe ô tô bị mất trộm trong thời gian từ 30 ngày trở lên.

- Miễn phí sử dụng đường bộ đối với các phương tiện: Xe cứu thương, xe chữa cháy, xe chuyên dùng phục vụ tang lễ, xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng, xe chuyên dùng của các đơn vị thuộc hệ thống tổ chức của công an nhân dân.

Dự thảo Nghị định quy định về trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp đối với các đối tượng không chịu phí sử dụng đường bộ do chủ các phương tiện này trên thực tế không thực hiện tham gia giao thông và không sử dụng đường bộ. Tuy nhiên để được xem xét xe ô tô không chịu phí sử dụng đường bộ thì phải có đủ

hồ sơ đáp ứng theo quy định. Trường hợp xe ô tô đó đã được nộp phí sử dụng đường bộ, chủ phương tiện sẽ được trả lại số phí đã nộp (áp dụng cho xe ô tô bị hủy hoại; bị tịch thu hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe không tiếp tục lưu hành) hoặc được trừ vào số phí phải nộp của kỳ sau (áp dụng đối với xe ô tô vẫn tiếp tục được lưu hành) tương ứng với thời gian không sử dụng đường bộ.

#### c) Đánh giá tác động

- Quy định miễn phí sử dụng đường bộ cho các đối tượng ưu tiên nêu trên góp phần đảm bảo thực hiện chính sách của Đảng, Nhà nước về an sinh xã hội, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

- Quy định các trường hợp không chịu phí đảm bảo tính công bằng cho các tổ chức, cá nhân sử dụng xe ô tô tham gia giao thông: Tổ chức, cá nhân phải nộp phí khi sử dụng ô tô tham gia giao thông; trường hợp tổ chức, cá nhân không tham gia sử dụng đường bộ thì không phải nộp phí.

Ngoài ra, quy định nêu trên nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và đơn vị đăng kiểm trong quá trình thực hiện trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp; thực hiện thu đúng, thu đủ tiền phí sử dụng đường bộ cho NSNN.

### **4. Đánh giá tác động của dự thảo Nghị định đối với thu NSNN**

#### a) Vấn đề đặt ra

Trong các năm qua, số tiền phí sử dụng đường bộ thu được nộp vào ngân sách nhà nước để phục vụ công tác quản lý, bảo trì đường bộ khoảng hơn 9.000 tỷ đồng. Hàng năm, ngân sách nhà nước còn phải cấp bổ sung khoảng 3.000 tỷ đồng/năm để phục vụ công tác quản lý, bảo trì đường bộ. Tuy nhiên, số tiền này mới đảm bảo khoảng 40% nhu cầu chi cho hoạt động bảo trì đường bộ.

#### b) Phương án đề xuất

Với mục tiêu kiểm soát tốt hơn nguồn thu từ phí sử dụng đường bộ, dự thảo Nghị định trách nhiệm của tổ chức thu phí như sau:

- Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm:

- + Hàng năm vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, Cục Đăng kiểm Việt Nam có văn bản hướng dẫn các đơn vị đăng kiểm trên toàn quốc dự kiến số thu phí sử dụng đường bộ, thống nhất phương thức thực hiện, gửi Cục Đăng kiểm Việt Nam làm cơ sở lập dự toán gửi Bộ Giao thông vận tải tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền. Trên cơ sở dự toán thu phí được Bộ Giao thông vận tải giao hàng năm, Cục Đăng kiểm Việt Nam có văn bản triển khai nhiệm vụ thu phí đến từng đơn vị đăng kiểm trên cả nước.

- + Hướng dẫn việc quản lý thu, nộp, trả lại phí; đôn đốc, kiểm tra hoạt động thu phí sử dụng đường bộ của các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới trên cả nước (số thu, số nộp hàng năm) để đảm bảo đơn vị đăng kiểm nộp đầy đủ, đúng hạn khoản thu phí sử dụng đường bộ vào ngân sách nhà nước. Báo cáo Bộ Giao

thông vận tải tổ chức thực hiện kiểm tra, quyết toán thu phí sử dụng đường bộ đối với các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới theo quy định.

- Các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới có trách nhiệm:

+ Thực hiện nhiệm vụ thu phí, quản lý thu nộp, trả lại phí sử dụng đường bộ đối với các phương tiện đến đăng kiểm theo đúng quy định.

+ Hàng năm, gửi báo cáo quyết toán thu phí sử dụng đường bộ trong năm về Cục Đăng kiểm Việt Nam trước ngày 20 tháng 01 năm sau để Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện quyết toán theo quy định pháp luật.

- Tổng cục Đường bộ Việt Nam có trách nhiệm: Lập dự toán và báo cáo kết quả thu phí sử dụng đường bộ hàng năm gửi Bộ Giao thông vận tải tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

c) Tác động dự kiến

Ngân sách nhà nước dự kiến sẽ thu khoảng hơn 10.000 tỷ đồng/năm khi Nghị định được ban hành và có hiệu lực thực hiện.

Đảm bảo việc thu, nộp phí sử dụng đường bộ thực hiện theo quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật Ngân sách nhà nước và Luật Quản lý thuế.

## **5. Đánh giá tác động của dự thảo Nghị định đối với cải cách thủ tục hành chính**

a) Vấn đề đặt ra

Ngày 15/7/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 76/NQ-CP ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030. Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 tập trung vào 6 nội dung, đó là: Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính (TTHC); Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công và Xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Chính phủ xác định Cải cách TTHC phải đạt mục tiêu: Cải cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả quy định TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp; bãi bỏ các rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh, cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch...

Như vậy, cải cách thủ tục hành chính là cần thiết và được coi là một trong những giải pháp quan trọng để đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

b) Phương án đề xuất

Phí được thu tính theo chu kỳ đăng kiểm của xe ô tô và các Trung tâm đăng kiểm là tổ chức thu phí. Cục Đăng kiểm Việt Nam có Hệ thống phần mềm quản lý đăng kiểm phương tiện. Theo đó, khi chủ phương tiện mang xe đến đăng kiểm, Trung tâm đăng kiểm chỉ cần nhập biển số phương tiện, Hệ thống phần mềm sẽ tự động tính toán số phí phải nộp.

Chủ phương tiện có thể nộp phí cùng với tiền dịch vụ đăng kiểm; nộp trực tiếp bằng tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán qua thẻ,...; máy tính sẽ tự động in biên lai hoặc chuyển biên lai điện tử (theo yêu cầu của chủ phương tiện).

Cục ĐKVN có thể theo dõi chi tiết toàn bộ thông tin về đăng kiểm phương tiện, nộp phí trên toàn quốc 24/24 giờ.

Do đó, chi phí quản lý tổ chức thu phí sử dụng đường bộ tiết kiệm nhất so với toàn bộ các khoản phí, lệ phí hiện hành. Tổ chức thu phí được để lại 1,2% tiền phí thu được chi cho tổ chức thu.

Quy định về quy trình thu, nộp phí; thủ tục hoàn trả, bù trừ phí đối với trường hợp xe thuộc diện không chịu phí đơn giản, rõ ràng tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp phí cũng như tổ chức thu trong quá trình tổ chức thu, nộp phí.

#### c) Tác động dự kiến

Quy định nêu trên, giảm thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và Trung tâm đăng kiểm trong thu, nộp phí; đồng thời để rõ ràng, tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Trên đây và nội dung báo cáo đánh giá tác động của Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, CST (P5).

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**

**Vũ Thị Mai**

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**BÁO CÁO****Đánh giá tình hình thực hiện chính sách phí sử dụng đường bộ**

Triển khai quy định tại Luật phí và lệ phí, trên cơ sở đề xuất của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ, nay là Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12/8/2021.

Qua hơn 05 năm thực hiện, đã đạt được kết quả nhất định, tuy nhiên cũng phát sinh một số bất cập cần nghiên cứu trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện.

**I. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ**

1. Tại tiết 1.1 điểm 1 Mục V Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí quy định: “*Phí sử dụng đường bộ*” và Cơ quan quy định: “*Bộ Tài chính quy định đối với đường thuộc trung ương quản lý, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với đường thuộc địa phương quản lý*”.

- Theo quy định tại Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ thì: Phí sử dụng đường bộ được thu hàng năm trên đầu phương tiện giao thông cơ giới đường bộ: (i) *Bộ Tài chính quy định thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô*; (ii) *HĐND cấp tỉnh quyết định thu phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô*.

- Theo quy định tại Nghị định số 28/2016/NĐ-CP ngày 20/4/2016 sửa đổi một số điều của Nghị định số 56/2014/NĐ-CP ngày 30/5/2014 và Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về quỹ bảo trì đường bộ: *Bỏ quy định thu phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô*.

Căn cứ quy định nêu trên, trên cơ sở đề xuất của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

Như vậy, từ năm 2017, phí sử dụng đường bộ chỉ do Bộ Tài chính ban hành và áp dụng trên cả nước. Đồng thời, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ trình Quốc hội đưa vào Nghị quyết ngân sách hàng năm quy định: *Chính phủ quy định cụ thể việc thu, nộp, sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô thống nhất trong cả nước, bao gồm cả đường bộ thuộc Trung ương quản lý và đường bộ thuộc địa phương quản lý; thực hiện phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương nguồn thu phí sử dụng đường bộ thu qua đầu*

*phương tiện ô tô theo tỷ lệ tương ứng là 65% và 35% để chi cho quản lý, bảo trì đường bộ.*

2. Ngày 13/01/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 09/2020/NĐ-CP bãi bỏ một số văn bản quy pháp pháp luật về quỹ bảo trì đường bộ, tại khoản 1 Điều 2 quy định: *Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải quy định việc thu, nộp và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô thống nhất trong cả nước, bao gồm cả đường bộ thuộc trung ương quản lý và đường bộ thuộc địa phương quản lý theo quy định của pháp luật về phí, ngân sách nhà nước. Phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô (sau khi trừ chi phí tổ chức thu) được nộp toàn bộ vào ngân sách trung ương, sử dụng để quản lý, bảo trì đường bộ.*

Căn cứ quy định nêu trên và trên cơ sở đề xuất của Bộ GTVT, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12/8/2021 (thay thế Thông tư số 293/2016/TT-BTC).

### **III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN**

#### **1. Kết quả đạt được**

##### ***1.1. Hệ thống văn bản được ban hành kịp thời, đồng bộ***

Thông tư thu phí sử dụng đường bộ được ban hành đảm bảo đồng bộ với quy định tại Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Luật Giao thông đường bộ; Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012, Nghị định số 56/2014/NĐ-CP ngày 30/5/2014, Nghị định số 28/2016/NĐ-CP ngày 20/4/2016 của Chính phủ về quỹ bảo trì đường bộ.

Chính sách thu phí sử dụng đường bộ được ban hành đã tạo khung pháp lý rõ ràng cho tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí; góp phần tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước để đầu tư duy tu, bảo trì hệ thống giao thông đường bộ; phục vụ cho hoạt động lưu thông hàng hóa và đi lại của người dân; khuyến khích phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo nhu cầu đi lại của người dân.

##### ***1.2. Tạo nguồn thu cho NSNN hỗ trợ hoạt động bảo trì đường bộ***

a) Theo quy định hiện hành, phí sử dụng đường bộ thuộc NSNN được quản lý, sử dụng như sau:

- Tổng cục Đường bộ Việt Nam (thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an) được trích để lại một phần hai phần trăm (1,2%) số tiền phí thực thu để trang trải chi phí quản lý hoạt động thu phí sử dụng đường bộ theo quy định; Số tiền còn lại, nộp vào NSNN, để sử dụng cho bảo trì đường bộ theo quy định của Luật NSNN và Luật Giao thông đường bộ.

- Đối với các đơn vị đăng kiểm thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô của các tổ chức, cá nhân (trừ xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an) được trích để lại một phần ba mươi hai phần trăm (1,32%) số tiền phí sử dụng đường bộ thực thu để chi theo quy định; Số tiền còn lại, nộp vào NSNN, để sử dụng

cho bảo trì đường bộ theo quy định của Luật NSNN và Luật Giao thông đường bộ.

b) Tình hình thu nộp, quản lý sử dụng phí sử dụng đường bộ

(i) Về số thu, số chi:

- Việc quản lý công tác thu phí tại các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới được thực hiện thông qua Chương trình Quản lý thu phí sử dụng đường bộ có kết nối với Chương trình quản lý kiểm định xe cơ giới đã đảm bảo việc thu phí nhanh chóng, thuận lợi, chính xác. Đồng thời, Cục Đăng kiểm Việt Nam duy trì việc kiểm tra đối chiếu thường xuyên nên công tác thu phí luôn đảm bảo thu đúng, thu đủ, không xảy ra hiện tượng thất thoát phí.

- Ngoài ra, do số lượng phương tiện tăng trưởng hàng năm đã tạo điều kiện tăng thu cho ngân sách nhà nước, góp phần tạo nguồn lực để đảm bảo công tác duy tu, bảo dưỡng hệ thống giao thông đường bộ toàn quốc. Kết quả số thu phí trong 09 năm gần đây đã đạt được như sau:

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

Năm	Tổng số thu phí	Số trích để lại đơn vị thu phí	Số nộp NSNN
2013	5.496,7	54,9	5.441,8
2014	4.893,3	48,9	4.844,4
2015	5.684,0	56,8	5.627,2
2016	6.371,2	63,7	6.307,5
2017	7.230,3	86,7	7.143,6
2018	8.069,6	96,8	7.972,8
2019	8.926,5	107,1	8.819,4
2020	9.470,9	113,6	9.357,3
2021	9.914,6	123,0	9.791,6

- Về chi phí: Số chi phí thấp như vậy là do tổ chức thu phí đã tận dụng được toàn bộ cơ sở vật chất sẵn có cũng như các nguồn lực của Hệ thống các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới trên cả nước. Số phí được trích để lại cho các đơn vị đăng kiểm sẽ được hạch toán vào doanh thu (đối với đơn vị đăng kiểm là doanh nghiệp) hoặc được hòa vào nguồn thu của các đơn vị đăng kiểm (đối với đơn vị đăng kiểm là đơn vị hành chính có thu hoặc đơn vị sự nghiệp công lập). Do đó, các đơn vị đăng kiểm sẽ không hạch toán riêng doanh thu, chi phí đối với khoản thu này.

- Về tỷ lệ để lại: Để xác định mức trích để lại cho các đơn vị sao cho phù hợp nhất, Bộ Giao thông vận tải đề xuất tính toán doanh thu, chi phí đối với một đơn vị đăng kiểm mẫu với hai dây chuyên kiểm định, có số thu phí sử dụng đường bộ bình quân số thu của các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới trên cả nước; có 01 nhân viên chuyên trách thu phí sử dụng đường bộ, các nhân viên dán tem nộp phí, nhân viên kế toán, quản lý đều là kiêm nhiệm (được tính thêm bằng 01 nhân viên chuyên trách nữa). Ngoài các chi phí nhân công, các chi phí trực tiếp khác như: chi phí mua phôi tem phí sử dụng đường bộ, chi phí khấu hao phần mềm,

máy móc thiết bị, vật tư văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ trực tiếp cho công tác thu phí, chi phí trích 3% của 1,32% số thu phí phải nộp về Cục Đăng kiểm Việt Nam phục vụ công tác quản lý, chi phí dịch vụ phải trả ngân hàng... các chi phí gián tiếp sẽ được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu phí được trích để lại trên tổng doanh thu của một trung tâm.

(ii) Các cơ quan, đơn vị đã thực hiện đúng quy định về thu, nộp, sử dụng đúng mục đích, hiệu quả số thu phí được để lại:

- Các khoản thu phí về cơ bản đã được nộp kịp thời vào NSNN và được quản lý, sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Phần phí để lại cho các đơn vị sử dụng được quản lý, hạch toán và quyết toán theo đúng quy định. Trong công tác dự toán thu NSNN, thường xuyên rà soát và căn cứ kết quả số thu phí hàng năm để xây dựng dự toán ngân sách, kịp thời tổng hợp và thông báo công khai trong dự toán thu chi ngân sách được giao và phân bổ cho các đơn vị để đảm bảo việc sử dụng tiền phí tiết kiệm, hiệu quả.

Cơ chế quản lý phí đảm bảo đồng bộ với các cơ chế tài chính của đơn vị thu: Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (thay thế Nghị định số 16/2015/NĐ-CP); tạo điều kiện cho các đơn vị tăng tính tự chủ và hướng đến xã hội hóa đơn vị sự nghiệp công có cung cấp dịch vụ thu phí.

(iii) Việc thu, nộp và quản lý sử dụng phí được thực hiện công khai, minh bạch tạo điều kiện cho người nộp phí nắm vững quy định của pháp luật và tham gia vào quá trình giám sát các cơ quan thu phí bảo đảm thực hiện đúng quy định của pháp luật.

(iv) Tiền phí đường bộ nộp NSNN được dành toàn bộ cho hoạt động bảo trì đường bộ, ngoài số tiền phí thu được, hằng năm, NSNN cấp thêm khoảng 3.000 tỷ đồng cho hoạt động duy tu, bảo trì hệ thống đường bộ do Nhà nước quản lý.

Các tuyến đường bộ được sửa chữa kịp thời các hư hỏng, bảo đảm hệ thống đường bộ thông suốt, an toàn và phát huy hiệu quả góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh, phát triển các lĩnh vực văn hoá, xã hội, giảm nhẹ thiên tai, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống nhân dân, xoá đói, giảm nghèo, rút ngắn khoảng cách giữa các vùng, miền.

Giao thông đường bộ được thuận tiện đã tiết kiệm chi phí xã hội rất lớn cụ thể là nâng cao tốc độ, rút ngắn thời gian hành trình, giảm giá thành vận tải và chi phí đi lại, nâng cao chất lượng và độ tin cậy của hệ thống giao thông đường bộ, cải thiện khả năng lưu thông trong khu vực dân cư và khu vực phát triển,



nâng cao khả năng tiếp cận thị trường, các dịch vụ xã hội, tăng khả năng an toàn, giảm bớt ách tắc và tai nạn giao thông tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội địa phương và cả nước, đảm bảo và củng cố an ninh quốc phòng giai đoạn hiện nay.

### **3. Sự cần thiết ban hành Nghị định**

#### **3.1. Sự thay đổi về cơ sở pháp lý**

Ngày 13/11/2021, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 40/2021/QH15 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022, tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết giao Chính phủ: *Quy định cụ thể việc thu, nộp và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô thống nhất trong cả nước, bao gồm cả đường bộ thuộc Trung ương quản lý và đường bộ thuộc địa phương quản lý; thực hiện phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương nguồn thu phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô theo tỷ lệ tương ứng là 65% và 35% để chi cho quản lý, bảo trì đường bộ.*

Ngày 03/12/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2047/QĐ-TTg về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022. Trong đó, tại điểm c khoản 4 Điều 2 giao: *Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định cụ thể việc thu, nộp và quản lý sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô thống nhất trong cả nước, bao gồm cả đường bộ thuộc Trung ương quản lý và đường bộ thuộc địa phương quản lý.*

Căn cứ quy định nêu trên cần thiết xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ; để đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật.

#### **3.2. Về giải quyết vướng mắc phát sinh**

Năm 2021, Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ GTVT đánh giá tình hình thực hiện thu phí sử dụng đường bộ và ban hành Thông tư số 70/2021/TT-BTC. Vì vậy, nội dung Nghị định cơ bản kế thừa nội dung đang quy định tại Thông tư số 70/2021/TT-BTC. Có 02 nội dung thay đổi so với quy định hiện hành, cụ thể:

a) Dự thảo Nghị định không quy định về in và phát hành vé “*phí đường bộ toàn quốc*” (tại Điều 7, Điều 8, Điều 11 Thông tư số 70/2021/TT-BTC). Vì vé “*phí đường bộ toàn quốc*” để phục vụ cho mục đích xe ô tô của lực lượng quốc phòng, an ninh khi lưu thông qua các trạm thu phí BOT trên toàn quốc được miễn phí dịch vụ sử dụng đường bộ. Việc quy định chứng từ miễn phí BOT thuộc Bộ GTVT. Ngày 30/11/2021, Bộ GTVT đã ban hành Thông tư số 28/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2016/TT-BGTVT ngày 16/11/2016 quy định về giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn các dự án đầu tư xây dựng đường bộ do Bộ GTVT quản lý. Trong đó, đã có quy định về việc in, phát hành vé “*phí đường bộ toàn quốc*”.

b) Sửa đổi nội dung quy định việc in, phát hành, quản lý, sử dụng biên lai thu phí: Theo hướng viên dẫn thực hiện theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng

từ và Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ. 02 văn bản này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2022 và bãi bỏ Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình thực hiện thu phí sử dụng đường bộ.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, CST (P5).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Vũ Thị Mai**

**BÁO CÁO****Đánh giá tác động của thủ tục hành chính tại  
dự thảo Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp,  
miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ**

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, trong thời gian vừa qua, Bộ Tài chính đã tiến hành đánh giá tác động thủ tục hành chính đối với quy định tại dự thảo Nghị định dự thảo Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ, với các nội dung sau đây:

**I. Tổng quan**

Từ năm 2014 đến nay, các thủ tục hành chính trong thu phí sử dụng đường bộ bảo đảm đã được rà soát, đánh giá tác động, đưa ra phương án, tính toán chi phí tuân thủ thủ tục hành chính và thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính. Trong quá trình xây dựng ban hành Thông tư quy định thu phí sử dụng đường bộ đã đánh giá tác động thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/8/2021, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 1652/QĐ-BTC về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính. Theo đó, đã công bố: *Thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp* - quy định tại Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

Thủ tục hành chính, các bộ phận tạo thành của TTHC quy định tại Thông tư số 70/2021/TT-BTC được giữ nguyên và tiếp tục được quy định trong dự thảo Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ (sẽ thay thế Thông tư số 70/2021/TT-BTC).

**II. Đánh giá tác động của TTHC trong lĩnh vực thuế**

TTHC dự kiến ban hành mới (bộ phận cấu thành thủ tục): 05 TTHC

- Xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp. Về chi phí tuân thủ TTHC được ban hành mới: 1.997.905 đồng/năm.

- Xác định xe tạm dừng lưu hành liên tục 30 ngày trở lên thuộc diện không chịu phí. Về chi phí tuân thủ TTHC được ban hành mới: 56.762.000 đồng/năm.

- Đề nghị cấp lại Tem nộp phí sử dụng đường bộ. Về chi phí tuân thủ TTHC được ban hành mới: 40.994.500 đồng/năm.

- Đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu. Về chi phí tuân thủ TTHC được ban hành mới: 40.994.500 đồng/năm.

- Xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ. Về chi phí tuân thủ TTHC được ban hành mới: Không có số liệu.

Theo kết quả về chi phí tuân thủ TTHC được ban hành mới tại dự thảo văn bản là 140.748.905 đồng/năm.

### **III. Phụ lục**

Các biểu mẫu đánh giá tác động thủ tục hành chính kèm theo.

Trên đây là bản đánh giá tác động thủ tục hành chính đối với dự thảo Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, CST (P5).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Vũ Thị Mai**

Phụ lục I

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU 02/ĐGTD-BHM)  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

BỘ TÀI CHÍNH

Biểu mẫu số 02/ĐGTD-BHM

BIỂU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

Tên dự án, dự thảo: Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: Xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp

I. SỰ CÀN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN	
1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?	a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Phí sử dụng đường bộ b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Quản lý hoạt động thu, nộp, quản lý và sử dụng phí
2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?	a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: Đối với xe bị hủy hoại do tai nạn hoặc thiên tai; bị tịch thu hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; bị tai nạn đến mức không thể tiếp tục lưu hành phải sửa chữa từ 30 ngày trở lên không sử dụng đường bộ trong thời gian bị hủy hoại, bị tịch thu hoặc thu hồi, hoặc bị tai nạn từ 30 ngày được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Đảm bảo quyền lợi của tổ chức, cá nhân khi không sử dụng phương tiện giao thông thì không chịu phí

<p><b>3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?</b></p>	<p>a) Lý do quy định thủ tục hành chính: Có căn cứ để thực hiện bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp</p> <p>b) Nếu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản: Khoản 1 Điều 8 dự thảo Nghị định</p>
<p><b>4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?</b></p>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ biện pháp: .....</p> <p>Trường hợp Có, nhưng vẫn lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính thì nêu rõ lý do: .....</p> <p>Nếu Không, nêu rõ lý do: Chủ phương tiện không thực hiện TTHC thì cơ quan có thẩm quyền không có căn cứ để thực hiện.</p>
<p align="center"><b>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b></p>	
<p><b>1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không?</b></p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: .....</p>
<p><b>2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?</b></p>	<p>- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ:</p> <p>+ Tên bộ phận tạo thành: .....</p> <p>+ Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: .....</p> <p>+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo .....</p>

- Với văn bản của cơ quan khác: Có ☐ Không ☒
- Nếu Có, đề nghị nêu rõ:
  - + Tên bộ phận tạo thành: .....
  - + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: .....
  - + Đề xuất cách thức giải quyết đề đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo .....
- Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có ☐ Không ☒
- Nếu Có, đề nghị nêu rõ:
  - + Tên bộ phận tạo thành: .....
  - + Nêu rõ điều, khoản, điều ước quốc tế tương ứng: .....
  - + Đề xuất cách thức giải quyết đề đảm bảo tính tương thích với điều ước quốc tế hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo .....

### III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

#### 1. Tên thủ tục hành chính

Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?

Có ☒ Không ☐

Nêu rõ lý do: .....

#### 2. Trình tự thực hiện

a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?

Có ☒ Không ☐

Nêu rõ lý do: .....

b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá

Có ☒ Không ☐

Nêu rõ lý do: .....

nhân, tổ chức khi thực hiện không?	
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu rõ lý do: .....
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: - Đối với xe ô tô bị hủy hoại do tai nạn hoặc thiên tai; bị tịch thu hoặc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe: + Chủ phương tiện phô tô các giấy tờ chứng minh thời gian không được sử dụng phương tiện: Quyết định tịch thu hoặc thu hồi xe của cơ quan có thẩm quyền, văn bản thu hồi giấy đăng ký và biển số xe. + Biên lai thu phí - Đối với xe ô tô bị tai nạn đến mức không thể tiếp tục lưu hành phải sửa chữa từ 30 ngày trở lên, trước khi mang xe đi sửa chữa: C + Chủ phương tiện phải xuất trình Biên bản hiện trường tai nạn có xác nhận của cơ quan công an và nộp lại Tem kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định cho đơn vị đăng kiểm gần nhất để có căn cứ trả lại phí sau khi phương tiện hoàn thành việc sửa chữa và kiểm định lại để tiếp tục lưu hành. + Biên lai thu phí + Biên bản thu tem và Giấy chứng nhận đăng kiểm. - Các biện pháp có thể thay thế: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: .....
<b>3. Cách thức thực hiện</b>	
a) Nộp hồ sơ:	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu rõ lý do: .....
Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/>	
Bưu chính <input checked="" type="checkbox"/>	- Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
Điện tử <input checked="" type="checkbox"/>	



b) Nhận kết quả: Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/> Bưu chính <input checked="" type="checkbox"/> Điện tử <input checked="" type="checkbox"/>	Nêu rõ lý do: .....
<b>4. Thành phần, số lượng hồ sơ</b>	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: nộp tại cơ quan đăng kiểm - Giấy đề nghị trả phí hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ; - Bản photo (không cần công chứng, chứng thực) các giấy tờ chứng minh thời gian không được sử dụng phương tiện (như: Quyết định tịch thu hoặc thu hồi xe của cơ quan có thẩm quyền, văn bản thu hồi giấy đăng ký và biển số xe); - Bản photo tờ biên lai thu phí (không cần công chứng, chứng thực); - Riêng đối với xe ô tô bị tai nạn đến mức không thể tiếp tục lưu hành phải sửa chữa từ 30 ngày trở lên thì ngoài các giấy tờ nêu trên, chủ phương tiện còn phải cung cấp Biên bản thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định.	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo cơ sở trả lại hoặc bù trừ tiền phí đã nộp - Yêu cầu về hình thức: ..... Lý do quy định: .....

b) a) Tên thành phần hồ sơ 2:	- Nêu rõ lý do quy định: ..... - Yêu cầu về hình thức: ..... Lý do quy định: .....
c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ: ..... ..... .....
d) Số lượng bộ hồ sơ: 01	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): .....
<b>5. Thời hạn giải quyết</b>	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: ..... Hồ sơ trả lại/bù trừ phí: 03 ngày làm việc, cơ quan đăng kiểm xem xét trả lại, bù trừ phí. Lý do quy định: Để có đủ thời gian ra quyết định và kiểm tra thực tế.
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do quy định: Để đảm bảo rõ ràng trách nhiệm của mỗi cơ quan ..... ..... .....
<b>6. Đối tượng thực hiện</b>	

a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input checked="" type="checkbox"/> Mô tả rõ: ..... Lý do quy định: ..... - Cá nhân: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input checked="" type="checkbox"/> Mô tả rõ: ..... Lý do quy định: ..... - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: .....
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> - Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/> - Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/> - Lý do quy định: ..... - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: .....
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: .....	
<b>7. Cơ quan giải quyết</b>	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Lý do quy định: .....
b) Có thể mở rộng ủy quyền	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>

hoặc phân cấp thực hiện không?	Nêu rõ lý do: .....
<b>8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)</b>	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu có, nêu rõ lý do: ..... - Phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có nêu rõ lý do: ..... - Chi phí khác: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: ..... - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): ..... + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): ..... + Mức chi phí khác: ..... + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: ..... - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: ....
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nội dung quy định: ..... Lý do quy định: .....
<b>9. Mẫu đơn, tờ khai</b>	

a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: .....
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Đơn xin tạm dừng lưu hành	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Tên, địa chỉ, số đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp Lý do quy định: ..... + Nội dung thông tin 2: Nội dung đề nghị Lý do quy định: ..... + Nội dung thông tin 3: Xác nhận của Sở GTVT - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Sở GTVT xác nhận các xe trên đúng là xe thuộc sở hữu của doanh nghiệp, doanh nghiệp xin nghỉ lưu hành từ ngày ... Lý do quy định: Làm căn cứ để xác định thời gian tạm dừng lưu hành, để xét thuộc trường hợp không chịu phí
c) Tên mẫu đơn, tờ khai 2: Đơn đề nghị trả lại biển hiệu, phù hiệu	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Tên, số CMND/Căn cước, đại diện cho doanh nghiệp Lý do quy định: ..... + Nội dung thông tin 2: Nội dung đề nghị Lý do quy định: ..... - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: ..... Lý do quy định: .....
d) Tên mẫu đơn, tờ khai 3: Đơn xin xác nhận xe ô tô không tham	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:

gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ	+ Nội dung thông tin 1: Tên, địa chỉ, số đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp Lý do quy định: ..... + Nội dung thông tin 2: Nội dung đề nghị Lý do quy định: ..... + Nội dung thông tin 3: Xác nhận của Sở GTVT - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Sở GTVT đã kiểm tra và xác nhận các phương tiện nêu trên là các xe không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ Lý do quy định: Làm căn cứ để xác định thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ đối với các phương tiện
e) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/> Song ngữ <input type="checkbox"/> Nêu rõ loại song ngữ: ..... Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): .....
<b>10. Yêu cầu, điều kiện</b>	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Lý do quy định: .....
a) Yêu cầu, điều kiện 1: ..... .....	- Lý do quy định: ..... - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: ..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nếu rõ): .....

b) Yêu cầu, điều kiện n: ..... .....	- Lý do quy định: ..... - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: ..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nếu rõ): .....
<b>11. Kết quả thực hiện</b>	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép <input type="checkbox"/> - Giấy chứng nhận <input type="checkbox"/> - Giấy đăng ký <input type="checkbox"/> - Chứng chỉ <input type="checkbox"/> - Thẻ <input type="checkbox"/> - Quyết định hành chính <input type="checkbox"/> - Văn bản xác nhận/chấp thuận <input checked="" type="checkbox"/> - Loại khác: <input type="checkbox"/> Đề nghị nêu rõ: ..... Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy "    Bản điện tử "
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: .....
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: ..... tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: Theo đề nghị của doanh nghiệp

d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> Lý do: ..... .....
<b>IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ</b>	
Họ và tên người điền: ..... Điện thoại cố định: .....; Di động: .....; E-mail: .....	



**TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp**

[illegible]

[illegible]

Phụ lục II

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU 02/ĐGTD-BHM)  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

BỘ TÀI CHÍNH

Biểu mẫu số 02/ĐGTD-BHM

BIỂU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

Tên dự án, dự thảo: Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 2: Xác định xe tạm dừng lưu hành liên tục 30 ngày trở lên thuộc diện không chịu phí

I. SỰ CÀN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN		
1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?	a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Phí sử dụng đường bộ b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Quản lý hoạt động thu, nộp, quản lý và sử dụng phí	
2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?	a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: Xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kinh doanh vận tải tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp trong thời gian không lưu hành b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Đảm bảo quyền lợi của tổ chức, cá nhân tạm dừng lưu hành	
3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện	a) Lý do quy định thủ tục hành chính: Có căn cứ để thực hiện bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản: Khoản 2 Điều 8 dự thảo Nghị định	

<p>yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?</p>	
<p>4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?</p>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ biện pháp: .....</p> <p>Trường hợp Có, nhưng vẫn lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính thì nêu rõ lý do: .....</p> <p>.....</p> <p>Nếu Không, nêu rõ lý do: Chủ phương tiện không thực hiện TTHC thì cơ quan có thẩm quyền không có căn cứ để thực hiện.</p>
<p><b>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b></p>	
<p>1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: .....</p>
<p>2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?</p>	<p>- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ:</p> <p>+ Tên bộ phận tạo thành: .....</p> <p>+ Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: .....</p> <p>+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo .....</p> <p>.....</p>

- Với văn bản của cơ quan khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ:	
+ Tên bộ phận tạo thành: .....	
+ Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: .....	
+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo .....	
- Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ:	
+ Tên bộ phận tạo thành: .....	
+ Nêu rõ điều, khoản, điều ước quốc tế tương ứng: .....	
+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính tương thích với điều ước quốc tế hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo .....	

III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: .....
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: .....
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>

dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Nêu rõ lý do: ..... .....
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: .....
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: a) Hồ sơ xác định xe tạm dừng lưu hành liên tục 30 ngày trở lên được nộp tại Sở Giao thông vận tải. Sở GTVT kiểm tra hồ sơ: Trường hợp chưa đủ điều kiện thì ra Thông báo trả lại doanh nghiệp để hoàn thiện lại hồ sơ. Trường hợp đủ điều kiện, Sở GTVT ký xác nhận vào Đơn xin tạm dừng lưu hành, đồng thời lập Biên bản tạm giữ Phù hiệu, Biển hiệu (nếu có) b) Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp cơ quan đăng kiểm. Khi tiếp nhận hồ sơ cơ quan đăng kiểm đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận các tài liệu trong hồ sơ - Các biện pháp có thể thay thế: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: .....
<b>3. Cách thức thực hiện</b>	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/> Bưu chính <input checked="" type="checkbox"/> Điện tử <input checked="" type="checkbox"/> b) Nhận kết quả: Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/> Bưu chính <input checked="" type="checkbox"/>	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: ..... - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: ..... .....

Điện tử <input checked="" type="checkbox"/>		
<b>4. Thành phần, số lượng hồ sơ</b>		
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Nộp tại Sở GTVT	- Nếu rõ lý do quy định: Đảm bảo cơ sở cho việc xác định xe thuộc diện tạm dừng lưu hành không chịu phí - Yêu cầu về hình thức: ..... Lý do quy định: .....	
- Đơn xin tạm dừng lưu hành; - Giấy phép kinh doanh vận tải bằng ô tô (bản sao).		
b) Tên thành phần hồ sơ 2: Nộp tại cơ quan đăng kiểm, bao gồm: Đơn xin tạm dừng lưu hành bản chính (có xác nhận của Sở GTVT); Biên bản tạm giữ Phù hiệu, Biển hiệu (nếu có); biên lai thu phí sử dụng đường bộ (bản sao).	- Nếu rõ lý do quy định: Đảm bảo cơ sở để tính số phí phải nộp, được đối trừ, được trả lại - Yêu cầu về hình thức: ..... Lý do quy định: .....	
c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nói rõ: ..... ..... .....	
d) Số lượng bộ hồ sơ: 01	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): .....	

<b>5. Thời hạn giải quyết</b>  a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Nếu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: ..... + Thời hạn: 03 ngày làm việc: Sở GTVT xác nhận đơn xin tạm dừng lưu hành + Thời hạn: 02 ngày làm việc: Cơ quan đăng kiểm xem xét hồ sơ tạm dừng lưu hành hợp lệ. Lý do quy định: Để có đủ thời gian ra quyết định và kiểm tra thực tế.
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do quy định: Để đảm bảo rõ ràng trách nhiệm của mỗi cơ quan ..... ..... .....
<b>6. Đối tượng thực hiện</b>	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input checked="" type="checkbox"/> Mô tả rõ: ..... Lý do quy định: ..... - Cá nhân: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input checked="" type="checkbox"/> Mô tả rõ: ..... Lý do quy định: ..... - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: .....



.....	
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> - Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/> - Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/> - Lý do quy định: ..... - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: .....
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: .....	
<b>7. Cơ quan giải quyết</b>	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Lý do quy định: .....
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: .....
<b>8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)</b>	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu có, nêu rõ lý do: ..... - Phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có nêu rõ lý do: ..... - Chi phí khác: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/>

	Nếu Có, nêu rõ lý do: ..... - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): ..... + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): ..... + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): ..... + Mức chi phí khác: ..... + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: ..... - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: ....
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nội dung quy định: ..... ..... Lý do quy định: .....
<b>9. Mẫu đơn, tờ khai</b>	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: .....
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Đơn xin tạm dừng lưu hành	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Tên, địa chỉ, số đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp Lý do quy định: ..... + Nội dung thông tin 2: Nội dung đề nghị Lý do quy định: ..... + Nội dung thông tin 3: Xác nhận của Sở GTVT - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>

Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Sở GTVT ký xác nhận vào Đơn xin tạm dừng lưu hành Lý do quy định: Làm căn cứ để xác định thời gian tạm dừng lưu hành, để xét thuộc hợp không chịu phí	
c) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/> Song ngữ <input type="checkbox"/> Nêu rõ loại song ngữ: ..... Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): .....
<b>10. Yêu cầu, điều kiện</b>	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Lý do quy định: .....
a) Yêu cầu, điều kiện 1: ..... .....	- Lý do quy định: ..... - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: ..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nếu rõ): .....
b) Yêu cầu, điều kiện n: ..... .....	- Lý do quy định: ..... - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: ..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nếu rõ): .....
<b>11. Kết quả thực hiện</b>	

a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép <input type="checkbox"/> - Giấy chứng nhận <input type="checkbox"/> - Giấy đăng ký <input type="checkbox"/> - Chứng chỉ <input type="checkbox"/> - Thẻ <input type="checkbox"/> - Quyết định hành chính <input type="checkbox"/> - Văn bản xác nhận/chấp thuận <input checked="" type="checkbox"/> - Loại khác: <input type="checkbox"/> Đề nghị nêu rõ: ..... Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy "      Bản điện tử "
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: .....
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: ..... tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: Theo đề nghị của doanh nghiệp
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> Lý do: ..... .....
<b>IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ</b>	
Họ và tên người điền: .....; Di động: .....; E-mail: ..... Điện thoại cố định: .....	

**Biểu mẫu số 04/ĐGCTĐ-SCM. Tính chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản**  
**BỘ TÀI CHÍNH**  
**Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM**

**CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN**

**TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:** Xác định xe tạm dừng lưu hành liên tục 30 ngày trở lên thuộc diện không chịu phí

**I. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH HIỆN TẠI HOẶC DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI**

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/01 năm (đồng)	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị hồ sơ</b>										
1.1	Thành phần HS 1	Hoạt động 1	1	30.535	0	0	1	500	31.535	15.767.500	
1.n	Thành phần HS 2	Hoạt động 1	1	30.535	0	0	1	500	31.535	15.767.500	
<b>2</b>	<b>Nộp hồ sơ</b>	Trực tiếp	1	30.535	0	0	1	400	30.535	12.214.000	
		Bưu chính						50	8.000	400.000	
		Điện tử						50	0	0	



Phụ lục III

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU 02/ĐGTD-BHM)  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

BỘ TÀI CHÍNH

Biểu mẫu số 02/ĐGTD-BHM

BIỂU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

Tên dự án, dự thảo: Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 3: Đề nghị cấp lại Tem nộp phí sử dụng đường bộ

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN	
1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?	a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Phí sử dụng đường bộ b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Quản lý hoạt động thu, nộp, quản lý và sử dụng phí
2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?	a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: Khi chủ phương tiện có nhu cầu lưu hành phương tiện trở lại và thực hiện nghĩa vụ tài chính thì được cấp lại tem nộp phí sử dụng đường bộ để phương tiện được lưu hành trên hệ thống giao thông đường bộ b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Quản lý hoạt động thu phí sử dụng đường bộ
3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục	a) Lý do quy định thủ tục hành chính: Có căn cứ để cấp lại tem sử dụng đường bộ b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản: Điểm b.1 khoản 2 Điều 8 dự

<p><b>hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?</b></p>	<p>thảo Nghị định</p>
<p><b>4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?</b></p>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ biện pháp: .....</p> <p>Trường hợp Có, nhưng vẫn lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính thì nêu rõ lý do: .....</p> <p>.....</p> <p>Nếu Không, nêu rõ lý do: Chủ phương tiện không thực hiện TTHC thì cơ quan có thẩm quyền không có căn cứ để thực hiện</p>
<p><b>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b></p>	
<p><b>1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không?</b></p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: .....</p>
<p><b>2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?</b></p>	<p>- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ:</p> <p>+ Tên bộ phận tạo thành: .....</p> <p>+ Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: .....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>



+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo .....

- Với văn bản của cơ quan khác: Có ☐ Không ☒

Nếu Có, đề nghị nêu rõ:

+ Tên bộ phận tạo thành: .....

+ Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: .....

.....

+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo .....

.....

- Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có ☐ Không ☒

Nếu Có, đề nghị nêu rõ:

+ Tên bộ phận tạo thành: .....

+ Nêu rõ điều, khoản, điều ước quốc tế tương ứng: .....

.....

+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính tương thích với điều ước quốc tế hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo .....

.....

III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>

	Nêu rõ lý do: .....
<b>2. Trình tự thực hiện</b>	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: .....
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: ..... ..... ..... .....
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: .....
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: Hồ sơ đề nghị cấp lại tem nộp phí sử dụng đường bộ được nộp tại cơ quan đăng kiểm. Khi tiếp nhận hồ sơ cơ quan đăng kiểm kiểm tra hồ sơ, tính toán bù trừ phí hoặc thu phí bổ sung (nếu có). - Các biện pháp có thể thay thế: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: .....
<b>3. Cách thức thực hiện</b>	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/> Bưu chính <input checked="" type="checkbox"/>	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: ..... - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi

Điện từ <input checked="" type="checkbox"/> b) Nhận kết quả: Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/> Bưu chính <input checked="" type="checkbox"/> Điện từ <input checked="" type="checkbox"/>	thực hiện không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: ..... ..... ..... .....
<b>4. Thành phần, số lượng hồ sơ</b>	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: nộp tại cơ quan đăng kiểm - Đơn đề nghị cấp lại tem nộp phí sử dụng đường bộ; - Biên bản thu Tem nộp phí sử dụng đường bộ (bản chính).	- Nêu rõ lý do quy định: Để xác nhận doanh nghiệp có nhu cầu được cấp lại tem sử dụng đường bộ - Yêu cầu về hình thức: ..... Lý do quy định: .....
b) Tên thành phần hồ sơ 2:	- Nêu rõ lý do quy định: ..... - Yêu cầu về hình thức: ..... Lý do quy định: .....
c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ: ..... ..... ..... .....
d) Số lượng bộ hồ sơ: 01	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): .....

<b>5. Thời hạn giải quyết</b>	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 03 ngày làm việc; cơ quan đăng kiểm ra quyết định bù trừ phí, thu phí bổ sung (nếu có) Lý do quy định: Để có đủ thời gian ra quyết định và kiểm tra thực tế.
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Lý do quy định: ..... ..... .....
<b>6. Đối tượng thực hiện</b>	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input checked="" type="checkbox"/> Mô tả rõ: ..... Lý do quy định: ..... - Cá nhân: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input checked="" type="checkbox"/> Mô tả rõ: ..... Lý do quy định: ..... - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: ..... .....

b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> - Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/> - Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/> - Lý do quy định: ..... - Có thẻ mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu rõ lý do: ..... .....
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: .....	
<b>7. Cơ quan giải quyết</b>	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Lý do quy định: ..... .....
b) Có thẻ mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu rõ lý do: ..... .....
<b>8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)</b>	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu có, nêu rõ lý do: ..... - Phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có nêu rõ lý do: .....

<p>- Chi phí khác: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ lý do: .....</p> <p>- Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo):</p> <p>+ Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): .....</p> <p>+ Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): .....</p> <p>+ Mức chi phí khác: .....</p> <p>+ Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do: .....</p> <p>- Nêu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: ....</p>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nội dung quy định: .....</p> <p>Lý do quy định: .....</p>
<p><b>9. Mẫu đơn, tờ khai</b></p>	
<p>a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do: .....</p>
<p>b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Đơn đề nghị cấp lại tem nộp phí sử dụng đường bộ</p>	<p>- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:</p> <p>+ Nội dung thông tin 1: Tên, số CMND/Căn cước, đại diện cho doanh nghiệp</p> <p>Lý do quy định: .....</p> <p>+ Nội dung thông tin 2: Nội dung đề nghị</p> <p>Lý do quy định: .....</p> <p>- Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p>

	Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: ..... Lý do quy định: Làm căn cứ để xác định chủ phương tiện có nhu cầu cấp lại tem sử dụng đường bộ để lưu hành phương tiện
c) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/> Song ngữ <input type="checkbox"/> Nêu rõ loại song ngữ: ..... Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): .....
<b>10. Yêu cầu, điều kiện</b>	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Lý do quy định: .....
a) Yêu cầu, điều kiện 1: ..... .....	- Lý do quy định: ..... - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: ..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nếu rõ): .....
b) Yêu cầu, điều kiện n: ..... .....	- Lý do quy định: ..... - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: ..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nếu rõ): .....
<b>11. Kết quả thực hiện</b>	

a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép <input type="checkbox"/> - Giấy chứng nhận <input type="checkbox"/> - Giấy đăng ký <input type="checkbox"/> - Chứng chỉ <input type="checkbox"/> - Thẻ <input type="checkbox"/> - Quyết định hành chính <input type="checkbox"/> - Văn bản xác nhận/chấp thuận <input checked="" type="checkbox"/> - Loại khác: <input type="checkbox"/> Đề nghị nếu rõ: ..... Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy "      Bản điện tử "
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: .....
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: ..... tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: Theo đề nghị của doanh nghiệp
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> Lý do: ..... .....
<b>IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ</b>	
Họ và tên người điền: ..... Điện thoại cố định: .....; Di động: .....; E-mail: .....	



**TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Đề nghị cấp lại Tem nộp phí sử dụng đường bộ**

[illegible]



Phụ lục IV

**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU 02/ĐGTD-BHM)**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

**BỘ TÀI CHÍNH**

**Biểu mẫu số 02/ĐGTD-BHM**

**BIỂU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN**

**Tên dự án, dự thảo:** Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 4: Đề nghị trả lại phù hiệu, biên hiệu**

I. SỰ CẢN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN	
1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?	a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Phí sử dụng đường bộ b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Quản lý hoạt động thu, nộp, quản lý và sử dụng phí
2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?	a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: Khi chủ phương tiện có nhu cầu lưu hành phương tiện trở lại và thực hiện nghĩa vụ tài chính thì được cấp lại phù hiệu, biên hiệu để phương tiện được lưu hành trên hệ thống giao thông đường bộ b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Quản lý hoạt động thu phí sử dụng đường bộ
3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục	a) Lý do quy định thủ tục hành chính: Có căn cứ để cấp lại phù hiệu, biên hiệu b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản: Điểm b.2 khoản 2 Điều 8 dự

hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?	thảo Nghị định
4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ biện pháp: ..... Trường hợp Có, nhưng vẫn lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính thì nêu rõ lý do: ..... ..... Nếu Không, nêu rõ lý do: Chủ phương tiện không thực hiện TTHC thì cơ quan có thẩm quyền không có căn cứ để thực hiện .....
<b>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	
1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: .....
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: ..... + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: ..... + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo .....

	<p>- Với văn bản của cơ quan khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ:</p> <p>+ Tên bộ phận tạo thành: .....</p> <p>+ Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: .....</p> <p>.....</p> <p>+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo .....</p> <p>.....</p> <p>- Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ:</p> <p>+ Tên bộ phận tạo thành: .....</p> <p>+ Nêu rõ điều, khoản, điều ước quốc tế tương ứng: .....</p> <p>+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính tương thích với điều ước quốc tế hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo .....</p>
<b>III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	
<b>1. Tên thủ tục hành chính</b>	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: .....</p>
<b>2. Trình tự thực hiện</b>	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: .....</p>

b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu rõ lý do: ..... ..... ..... .....
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu rõ lý do: .....
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: Hồ sơ đề nghị cấp lại phù hiệu, biển hiệu được nộp tại Sở GTVT. Khi tiếp nhận hồ sơ Sở GTVT xem xét hồ sơ, cấp lại phù hiệu, biển hiệu. - Các biện pháp có thể thay thế: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: .....
<b>3. Cách thức thực hiện</b>	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/> Bưu chính <input checked="" type="checkbox"/> Điện tử <input checked="" type="checkbox"/> b) Nhận kết quả: Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/> Bưu chính <input checked="" type="checkbox"/> Điện tử <input checked="" type="checkbox"/>	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu rõ lý do: ..... - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu rõ lý do: ..... ..... .....

<b>4. Thành phần, số lượng hồ sơ</b>	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: nộp tại Sở GTVT - Đơn đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu; - Quyết định về việc bù trừ phí sử dụng đường bộ hoặc biên lại thu phí trong trường hợp chưa nộp phí cho thời gian dừng lưu hành.	- Nếu rõ lý do quy định: Đảm bảo cơ sở trả lại biển hiệu, phù hiệu cho chủ phương tiện - Yêu cầu về hình thức: ..... Lý do quy định: .....
b) Tên thành phần hồ sơ 2:	- Nếu rõ lý do quy định: ..... - Yêu cầu về hình thức: ..... Lý do quy định: .....
c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ: ..... ..... .....
d) Số lượng bộ hồ sơ: 01	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): .....
<b>5. Thời hạn giải quyết</b>	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> - Nếu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính:

	Lý do quy định:
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Lý do quy định: ..... ..... .....
<b>6. Đối tượng thực hiện</b>	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input checked="" type="checkbox"/> Mô tả rõ: ..... Lý do quy định: ..... - Cá nhân: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input checked="" type="checkbox"/> Mô tả rõ: ..... Lý do quy định: ..... - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: .....
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> - Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/> - Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/> - Lý do quy định: ..... - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?:



	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: .....
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: .....	
<b>7. Cơ quan giải quyết</b>	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Lý do quy định: .....
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: .....
<b>8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)</b>	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu có, nêu rõ lý do: ..... - Phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có nêu rõ lý do: ..... - Chi phí khác: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: ..... - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): ..... + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): ..... + Mức chi phí khác: ..... + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>

	Lý do: ..... - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: ....
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nội dung quy định: ..... Lý do quy định: .....
<b>9. Mẫu đơn, tờ khai</b>	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: .....
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Đơn đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Tên, số CMND/Căn cước, đại diện cho doanh nghiệp Lý do quy định: ..... + Nội dung thông tin 2: Nội dung đề nghị Lý do quy định: ..... - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: ..... Lý do quy định: .....
c) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/> Song ngữ <input type="checkbox"/> Nêu rõ loại song ngữ: ..... Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): .....
<b>10. Yêu cầu, điều kiện</b>	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>

	Lý do quy định: .....
a) Yêu cầu, điều kiện 1: ..... .....	- Lý do quy định: ..... - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: ..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nếu rõ): .....
b) Yêu cầu, điều kiện n: ..... .....	- Lý do quy định: ..... - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: ..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nếu rõ): .....
<b>11. Kết quả thực hiện</b>	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép <input type="checkbox"/> - Giấy chứng nhận <input type="checkbox"/> - Giấy đăng ký <input type="checkbox"/> - Chứng chỉ <input type="checkbox"/> - Thẻ <input type="checkbox"/> - Quyết định hành chính <input type="checkbox"/> - Văn bản xác nhận/chấp thuận <input checked="" type="checkbox"/> - Loại khác: <input type="checkbox"/> Đề nghị nêu rõ: .....

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy “      Bản điện tử ”	
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: .....
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: ..... tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: Theo đề nghị của doanh nghiệp
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> Lý do: .....
<b>IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ</b>	
Họ và tên người diện: .....	
Điện thoại cố định: .....; Di động: .....; E-mail: .....	

**TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu**

## I. CHI PHÍ TUẦN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH HIỆN TẠI HOẶC DỰ KIẾN BẠN HÀNH MỖI

[illegible]

[illegible]

Phụ lục V

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU 02/ĐGTD-BHM)  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

BỘ TÀI CHÍNH

Biểu mẫu số 02/ĐGTD-BHM

BIỂU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

Tên dự án, dự thảo: Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 5: Xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN	
1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?	a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Phí sử dụng đường bộ b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Quản lý hoạt động thu, nộp, quản lý và sử dụng phí
2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?	a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: Bảo đảm quyền lợi của chủ phương tiện khi không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ chỉ sử dụng trong phạm vi Trung tâm sát hạch lái xe, nhà ga, cảng, khu khai thác khoáng sản, nông, lâm, ngư nghiệp, công trường xây dựng (giao thông, thủy lợi, năng lượng) thì không phải nộp phí sử dụng đường bộ b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Đảm bảo quyền lợi của tổ chức, cá nhân khi không sử dụng

	phương tiện giao thông thì không chịu phí
<b>3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?</b>	<p>a) Lý do quy định thủ tục hành chính: Có căn cứ để xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ và trả lại hoặc bù trừ tiền phí đã nộp</p> <p>b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản: Khoản 3 Điều 8 dự thảo Nghị định</p>
<b>4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?</b>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ biện pháp: .....</p> <p>Trường hợp Có, nhưng vẫn lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính thì nêu rõ lý do: .....</p> <p>Nếu Không, nêu rõ lý do: .....</p>
<b>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	
<b>1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không?</b>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu rõ lý do: .....</p>
<b>2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại</b>	<p>- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ:</p> <p>+ Tên bộ phận tạo thành: .....</p>



các văn bản khác không?

+ Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: .....

.....

.....

+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo .....

.....

- Với văn bản của cơ quan khác: Có ☐ Không ☒

Nếu Có, đề nghị nêu rõ:

+ Tên bộ phận tạo thành: .....

+ Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: .....

.....

+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo .....

.....

- Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có ☐ Không ☒

Nếu Có, đề nghị nêu rõ:

+ Tên bộ phận tạo thành: .....

+ Nêu rõ điều, khoản, điều ước quốc tế tương ứng: .....

.....

+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính tương thích với điều ước quốc tế hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo .....

.....

III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

<b>1. Tên thủ tục hành chính</b>	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: .....
<b>2. Trình tự thực hiện</b>	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: .....
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: .....
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: .....
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: + Hồ sơ xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ, chỉ sử dụng trong phạm vi Trung tâm sát hạch lái xe, nhà ga, cảng, khu khai thác khoáng sản, nông, lâm, ngư nghiệp, công trường xây dựng (giao thông, thủy lợi, năng lượng) được nộp tại Sở GTVT. + Sở GTVT kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, Sở GTVT thông báo cho doanh nghiệp bổ sung hồ sơ chậm nhất trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện xem xét, Sở GTVT tiến hành kiểm tra thực tế doanh nghiệp và xác nhận vào Đơn đề nghị, thời gian thực hiện chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ. + Doanh nghiệp nộp 01 bản Đơn đề nghị (có xác nhận của Sở GTVT) cho đơn vị đăng kiểm, nơi doanh

	nghiệp đưa xe đến kiểm định. + Khi đăng kiểm xe, doanh nghiệp nộp bản sao Đơn đề nghị (có đóng dấu chứng thực của doanh nghiệp). Đơn vị đăng kiểm tra, đối chiếu với Đơn đề nghị có dấu xác nhận của Sở GTVT, nếu phù hợp sẽ không thu phí sử dụng đường bộ đối với các xe này kể từ ngày Sở GTVT xác nhận. - Các biện pháp có thể thay thế: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: .....
<b>3. Cách thức thực hiện</b>  a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/> Bưu chính <input checked="" type="checkbox"/> Điện tử <input checked="" type="checkbox"/> b) Nhận kết quả: Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/> Bưu chính <input checked="" type="checkbox"/> Điện tử <input checked="" type="checkbox"/>	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: ..... - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: ..... ..... ..... .....
<b>4. Thành phần, số lượng hồ sơ</b>  ) Tên thành phần hồ sơ 1: nộp tại Sở GTVT - Đơn đề nghị xác nhận xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ, chỉ sử dụng trong phạm vi Trung tâm sát hạch lái xe, nhà ga, cảng, khu	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo cơ sở cho việc xác định xe thuộc diện không chịu phí - Yêu cầu về hình thức: ..... Lý do quy định: .....

khai thác khoáng sản, nông, lâm, ngư nghiệp, công trường xây dựng (giao thông, thủy lợi, năng lượng) - Bản sao giấy đăng ký kinh doanh; - Bản sao giấy đăng ký xe (của từng xe đề nghị);	
b) Tên thành phần hồ sơ 2: nộp tại đơn vị đăng kiểm - Đơn đề nghị xác nhận xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ, chỉ sử dụng trong phạm vi Trung tâm sát hạch lái xe, nhà ga, cảng, khu khai thác khoáng sản, nông, lâm, ngư nghiệp, công trường xây dựng (giao thông, thủy lợi, năng lượng) có xác nhận của Sở GTVT	- Nêu rõ lý do quy định: Làm căn cứ đề đơn vị đăng kiểm không thu phí sử dụng đường bộ đối với các xe này kể từ ngày Sở GTVT xác nhận - Yêu cầu về hình thức: ..... Lý do quy định: .....
c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ: ..... ..... .....

hành chính không?	.....
d) Số lượng bộ hồ sơ: 01	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): .....
<b>5. Thời hạn giải quyết</b>	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	<p>- Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>- Nếu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Chậm nhất 10 ngày làm việc, Sở GTVT kiểm tra xác nhận xe không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ, chỉ sử dụng trong phạm vi Trung tâm sát hạch lái xe, nhà ga, cảng, khu khai thác khoáng sản, nông, lâm, ngư nghiệp, công trường xây dựng (giao thông, thủy lợi, năng lượng).</p> <p>Lý do quy định: Để có đủ thời gian ra quyết định và kiểm tra thực tế.</p>
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do quy định: Để đảm bảo rõ ràng trách nhiệm của mỗi cơ quan</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<b>6. Đối tượng thực hiện</b>	
a) Đối tượng thực hiện:	<p>- Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Mô tả rõ: .....</p> <p>Lý do quy định: .....</p> <p>- Cá nhân: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Mô tả rõ: .....</p> <p>Lý do quy định: .....</p>

	- Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu rõ lý do: .....
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> - Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/> - Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/> - Lý do quy định: ..... - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu rõ lý do: .....
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: .....	
<b>7. Cơ quan giải quyết</b>	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Lý do quy định: .....
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu rõ lý do: .....
<b>8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)</b>	

a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu có, nêu rõ lý do: ..... - Phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có nêu rõ lý do: ..... - Chi phí khác: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: ..... - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): ..... + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): ..... + Mức chi phí khác: ..... + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: ..... - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: ....
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nội dung quy định: ..... ..... Lý do quy định: .....
<b>9. Mẫu đơn, tờ khai</b>	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: .....
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Đơn xin xác nhận xe	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:

ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ	+ Nội dung thông tin 1: Tên, địa chỉ, số đăng ký kinh doanh Lý do quy định: ..... + Nội dung thông tin 2: Nội dung đề nghị Lý do quy định: ..... - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Sở GTVT đã kiểm tra và xác nhận các phương tiện nêu trên là các xe không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ Lý do quy định: Làm căn cứ để xác định thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ
c) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/> Song ngữ <input type="checkbox"/> Nếu rõ loại song ngữ: ..... Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): .....
<b>10. Yêu cầu, điều kiện</b>	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Lý do quy định: .....
a) Yêu cầu, điều kiện 1: ..... .....	- Lý do quy định: ..... ..... - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: ..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nếu rõ): .....
b) Yêu cầu, điều kiện n:	- Lý do quy định: .....



..... .....	- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: ..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nếu rõ): ..... .....
<b>11. Kết quả thực hiện</b>	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép <input type="checkbox"/> - Giấy chứng nhận <input type="checkbox"/> - Giấy đăng ký <input type="checkbox"/> - Chứng chỉ <input type="checkbox"/> - Thẻ <input type="checkbox"/> - Quyết định hành chính <input type="checkbox"/> - Văn bản xác nhận/chấp thuận <input checked="" type="checkbox"/> - Loại khác: <input type="checkbox"/> Đề nghị nêu rõ: ..... ..... Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy "      Bản điện tử "
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: ..... .....
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: ..... tháng/ năm.

có hợp lý không (nếu có)?	- Nếu Không, nêu rõ lý do: Theo đề nghị của doanh nghiệp
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> Lý do: ..... .....
<b>IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ</b>	
Họ và tên người điền: .....	
Điện thoại cố định: .....; Di động: .....; E-mail: .....	

**TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ**

## I. CHI PHÍ TUẦN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH HIỆN TẠI HOẶC DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI

[illegible]

3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác																	0				
3.1	Phí																	0				
3.2	Lệ phí																	0				
3.3	Chi phí khác (nếu có)																	0				
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)																	0				
5	Công việc khác (nếu có)																	0				
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	Trực tiếp	1	30.535	0	1											30.535				
		Bưu chính	Bưu chính			0	1											8.000				
		Điện tử	Điện tử			0	1											0				
	TỔNG																	140.140				

**BÁO CÁO****Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến  
dự thảo Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp,  
miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ**

Thực hiện Nghị quyết số 40/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022 và Quyết định số 2047/QĐ-TTg ngày 03/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, Bộ Tài chính xây dựng dự thảo Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định) được xây dựng theo nguyên tắc bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật hiện hành. Trong đó, đặc biệt là hệ thống pháp luật phí và lệ phí, pháp luật giao thông đường bộ và pháp luật về quản lý thuế.

**2. Căn cứ pháp luật ban hành Nghị định gồm:**

- Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019.
- Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015.
- Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;
- Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008.
- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015.
- Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008.
- Nghị quyết số 40/2021/QH15 của Quốc hội ngày 13 tháng 11 năm 2021 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022.

3. Bộ Tài chính được giao nhiệm vụ chủ trì soạn thảo dự thảo Nghị định đã tiến hành rà soát các Luật nêu trên. Đồng thời, rà soát các Nghị định của Chính phủ và các văn bản liên quan.

**a) Các Nghị định của Chính phủ**

- Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.
- Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

- Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

- Nghị định số 09/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về Quỹ bảo trì đường bộ.

- Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới quy định hoạt động của đơn vị đăng kiểm.

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực của Kho bạc Nhà nước.

- Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.

- Nghị định số 130/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

- Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN.

#### b) Các văn bản liên quan

- Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

- Thông tư số 35/2016/TT-BGTVT ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn các dự án đầu tư xây dựng đường bộ do Bộ GTVT quản lý.

- Thông tư số 28/2021/TT-BGTVT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2016/TT-BGTVT ngày 16 tháng 11 năm 2016 quy định về giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn các dự án đầu tư xây dựng đường bộ do Bộ GTVT quản lý.

- Thông tư số 70/2015/TT-BGTVT ngày 09 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

- Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn đánh giá tác động của thủ tục hành chính và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính.

4. Một số nội dung quy định để bảo đảm thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, gồm các nội dung cơ bản như sau:

a) Quy định về phạm vi điều chỉnh: Nội dung quy định phù hợp với quy định tại: Luật Giao thông đường bộ, Nghị quyết số 40/2021/QH15 của Quốc hội ngày 13 tháng 11 năm 2021 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022.

b) Quy định tổ chức thu phí

Tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định: *2. Tổ chức thu phí, lệ phí bao gồm cơ quan nhà nước, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí.*

Dự thảo Nghị định quy định tổ chức thu phí là Tổng cục Đường bộ Việt Nam và các đơn vị đăng kiểm, phù hợp quy định nêu trên.

c) Quy định về khai, nộp phí: phù hợp với quy định tại Luật Quản lý thuế, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

d) Quy định về chứng từ thu phí

Dự thảo Nghị định quy định khi thu phí, tổ chức thu phí phải lập và cấp biên lai thu phí cho người nộp phí.

Việc in, phát hành, quản lý, sử dụng biên lai thực hiện theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

e) Quy định về quản lý và sử dụng phí

- Tại Luật Phí và lệ phí quy định: (i) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào ngân sách nhà nước, trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ; (ii) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập, phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động.

Dự thảo Nghị định quy định quản lý và sử dụng phù hợp với Luật Phí và lệ phí..

g) Quy định về hoàn trả, bù trừ phí: phù hợp với quy định về cấp, thu hồi Biển hiệu, phù hiệu xe kinh doanh vận tải tại Nghị định số 10/2020/NĐ-CP

h) Quy định về tổ chức thực hiện

(i) Pháp luật về NSNN:

- Tại khoản 3 Điều 55 Luật NSNN quy định:

*“3. Cơ quan thu ngân sách có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:*

*...*

*c) Cơ quan thu có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thu phải nộp vào NSNN;*

*d) Kiểm tra, kiểm soát các nguồn thu của ngân sách; kiểm tra, thanh tra việc chấp hành kê khai, thu, nộp ngân sách và xử lý hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật”.*

- Tại khoản 5 Điều 22 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN quy định:

*“a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương lập dự toán thu, chi ngân sách, phương án phân bổ ngân sách năm sau chi tiết theo từng lĩnh vực và chi tiết tới từng cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách, gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư... ”.*

- Tại Điều 23, Điều 24 và Điều 31 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP quy định:

+ Khoản 1 Điều 23: *“1. Các đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao, gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp”.*

+ Khoản 3 Điều 24: *“3. Các cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao thu NSNN từ các khoản phí, lệ phí phải lập dự toán thu các khoản thu phí, lệ phí được giao gửi cơ quan thuế và cơ quan tài chính cùng cấp”.*

(ii) Pháp luật về phí và lệ phí: Tại khoản 2 Điều 20 Luật Phí và lệ phí quy định bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm: *“Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong thực hiện thu, nộp, quản lý, sử dụng phí, lệ phí thuộc ngành, lĩnh vực quản lý”.*

Căn cứ quy định pháp luật phí và lệ phí, pháp luật về NSNN, dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam, đơn vị đăng kiểm, Tổng cục Đường bộ Việt Nam phù hợp với quy định hiện hành.

Các quy định của dự thảo Nghị định đảm bảo sự đồng bộ của với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, CST (P5).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Vũ Thị Mai**



**BẢNG RÀ SOÁT CÁC VĂN BẢN QPPL LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  
(Kèm theo Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí và sử dụng đường bộ)

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
1	Căn cứ ban hành	Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008; Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008; Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019; Căn cứ Nghị quyết số 40/2021/QH15 của Quốc hội ngày 13 tháng 11 năm 2021 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022;	Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008; Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008; Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019; Căn cứ Nghị quyết số 40/2021/QH15 của Quốc hội ngày 13 tháng 11 năm 2021 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022;	Các văn bản QPPL là cơ sở pháp lý để ban hành Nghị định của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.
2	Điều 1	<b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b> Nghị định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp,	1. Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015. 2. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Phạm vi điều chỉnh của Nghị định là phù hợp với

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
		miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ (phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện).	ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.	quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Phí và lệ phí.
3	Điều 2	<b>Điều 2. Đối tượng chịu phí</b> Đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ là các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, bao gồm: Xe ô tô, xe đầu kéo và các loại xe tương tự (sau đây gọi chung là ô tô).	<p>1. Khoản 18 Điều 3 Luật Giao thông đường bộ quy định: <i>Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi là xe cơ giới) gồm xe ô tô; máy kéo; rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi xe ô tô, máy kéo; xe mô tô hai bánh; xe mô tô ba bánh; xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự.</i></p> <p>2. Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết Nghị quyết số 40/2021/QH15 ngày 13/11/2021 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022, giao Chính phủ: <i>Quy định cụ thể việc thu, nộp và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô thông nhất trong cả nước, bao gồm cả đường bộ thuộc Trung ương quản lý và đường bộ thuộc địa phương quản lý...</i></p> <p>3. Nghị định số 09/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về Quỹ bảo trì đường bộ.</p>	<p>Đối tượng chịu phí của Nghị định là phù hợp với quy định của Luật Giao thông đường bộ và Nghị quyết số 40/2021/QH15.</p>
4	Điều 3	<b>Điều 3. Các trường hợp miễn phí</b> Miễn phí sử dụng đường bộ đối với người nộp phí cho các phương tiện sau:	<p>1. Tại khoản 3 Điều 10 Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015: <i>Chính phủ quy định cụ thể đối tượng được miễn, giảm đối với từng khoản</i></p>	Các trường hợp miễn phí quy định tại Nghị định là phù hợp với quy định của

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
		1. Xe cứu thương. 2. Xe chữa cháy. 3. Xe chuyên dùng phục vụ tang lễ 4. Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng 5. Xe chuyên dùng của các đơn vị thuộc hệ thống tổ chức của công an nhân dân	<i>phí, lệ phí thuộc thẩm quyền.</i> 2. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.	Luật Phí và lệ phí, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
5	Điều 4	<b>Điều 4. Người nộp phí và tổ chức thu phí</b> 1. Người nộp phí là tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc quản lý phương tiện. 2. Tổ chức thu phí a) Tổng cục Đường bộ Việt Nam. b) Các đơn vị đăng kiểm.	1. Tại Điều 6 và Điều 7 Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015 quy định: <b>“Điều 6. Người nộp phí, lệ phí</b> <i>Người nộp phí, lệ phí là tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước theo quy định của Luật này.</i> <b>Điều 7. Tổ chức thu phí, lệ phí</b> <i>Tổ chức thu phí, lệ phí bao gồm cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí theo quy định của Luật này”.</i> 2. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.	Người nộp phí và tổ chức thu phí quy định tại Nghị định là phù hợp với quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
6	Điều 5	<b>Điều 5. Mức thu phí</b> Mức thu phí sử dụng đường bộ quy định tại Phụ lục I	1. Tại Điều 8 Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015 quy định:	Mức thu phí quy định tại dự thảo Nghị định phù

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
		ban hành kèm theo Nghị định này.	<p><b>“Điều 8. Nguyên tắc xác định mức thu phí</b></p> <p><i>Mức thu phí được xác định cơ bản bảo đảm bù đắp chi phí, có tính đến chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân”.</i></p>	hợp với quy định của Luật phí và lệ phí.
7	Điều 6	<p><b>Điều 6. Phương thức tính, nộp phí</b></p> <p>1. Đối với xe ô tô của các tổ chức, cá nhân đăng ký tại Việt Nam (trừ xe của lực lượng quốc phòng, công an): Phí sử dụng đường bộ tính theo năm, tháng hoặc theo chu kỳ đăng kiểm của xe.</p> <p>2. Đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an: Phí sử dụng đường bộ nộp theo năm.</p> <p>3. Khi thu phí, tổ chức thu phí phải lập và cấp biên lai thu phí cho người nộp phí.</p>	<p>1. Tại khoản 2 Điều 11 Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015 quy định:</p> <p>“2. Người nộp phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp phí, lệ phí theo tháng, quý, năm hoặc theo từng lần phát sinh”.</p> <p>2. Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019.</p> <p>3. Tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí quy định: “1. Người nộp phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp phí, lệ phí theo tháng, quý, năm hoặc theo từng lần phát sinh. Căn cứ tính chất, đặc điểm của từng khoản phí, lệ phí, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 4 Luật phí và lệ phí quy định cụ thể kỳ kê khai, nộp phí, lệ phí cho phù hợp”.</p> <p>4. Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.</p>	<p>Phương thức tính, nộp phí tại dự thảo Nghị định phù hợp với quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật Quản lý thuế, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
8	Điều 7	<p><b>Điều 7. Quản lý và sử dụng phí</b></p> <p>1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách trung ương. Trường hợp Tổng cục Đường bộ Việt Nam thuộc diện được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí được trích để lại 1,2% số tiền phí thực thu để trang trải chi phí quản lý hoạt động.</p> <p>2. Đối với các đơn vị đăng kiểm được trích để 1,32% số tiền phí thực thu.</p> <p>3. Cục Đăng kiểm Việt Nam và Tổng cục Đường bộ Việt Nam thực hiện kê khai, nộp phí thu được theo tháng, quyết toán theo năm.</p> <p>4. Số tiền phí được để lại chi của tổ chức thu phí: Trường hợp tổ chức thu phí áp dụng cơ chế tài chính doanh nghiệp, số tiền phí được để lại là doanh thu của đơn vị và thực hiện khai, nộp thuế (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp) theo quy định pháp luật về thuế; trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, số tiền phí được để lại quản lý, sử dụng theo quy định.</p>	<p>1. Tại Điều 11 Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015 quy định:</p> <p><i>“1. Phí, lệ phí theo quy định tại Luật này là khoản thu thuộc NSNN, không chịu thuế...”</i></p> <p><i>5. Chính phủ quy định chi tiết điều này”</i>.</p> <p>2. Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015.</p> <p>3. Tại Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008 quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT không bao gồm: nguồn thu từ phí được để lại.</p> <p>4. Tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí quy định: “3. <i>Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, .... Số tiền phí được để lại là doanh thu của tổ chức thu phí”</i>.</p> <p>6. Nghị định số 130/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một</p>	<p>Quy định về quản lý và sử dụng phí phù hợp với quy định tại Luật Phí và lệ phí, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý thuế và các văn bản có liên quan.</p>

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
			<p>số điều của Nghị định số 130/2015/NĐ-CP.</p> <p>7. Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <p>8. Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN.</p> <p>9. Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực của Kho bạc Nhà nước.</p>	
9	Điều 8	<p><b>Điều 8. Trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp</b></p> <p>Đối với xe ô tô thuộc đối tượng không chịu phí sử dụng đường bộ thì chủ phương tiện được trả lại phí đã nộp hoặc được bù trừ vào số phí phải nộp của kỳ sau.</p>	<p>1. Tại khoản 1 Điều 3 Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015. “1. <i>Phí</i> là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải trả nhằm cơ bản bù đắp chi phí và mang tính phục vụ khi được cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công được quy định trong Danh mục phí ban hành kèm theo Luật này”.</p> <p>2. Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.</p>	Theo quy định của Luật Phí và lệ phí tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ phải phí, trường hợp không được cung cấp dịch vụ thì không phải nộp phí. Vì vậy, quy định về trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp phù hợp với quy định của pháp luật phí và lệ phí.
10	Điều 9	<p><b>Điều 9. Tổ chức thực hiện</b></p> <p>1. Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm:</p> <p>a) Cục Đăng kiểm Việt Nam có văn bản hướng dẫn</p>	<p>1. Tại Điều 14 Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015 quy định về trách nhiệm của tổ chức thu phí: 3. <i>Thực hiện chế độ kế toán; định kỳ báo</i></p>	Quy định về tổ chức thực hiện phù hợp với quy định của Luật Phí và lệ

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
		<p>các đơn vị đăng kiểm trên toàn quốc dự kiến số thu phí sử dụng đường bộ, thống nhất phương thức thực hiện, gửi Cục Đăng kiểm Việt Nam làm cơ sở lập dự toán gửi Bộ Giao thông vận tải tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền. Cục Đăng kiểm Việt Nam có văn bản triển khai nhiệm vụ thu phí đến từng đơn vị đăng kiểm trên cả nước.</p> <p>b) Tổ chức in ấn, cấp phát và quản lý sử dụng Tem nộp phí sử dụng đường bộ đối với ô tô theo mẫu được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.</p> <p>c) Hướng dẫn việc quản lý thu, nộp, trả lại phí; đơn đốc, kiểm tra hoạt động thu phí sử dụng đường bộ của các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới trên cả nước để đảm bảo đơn vị đăng kiểm nộp đầy đủ, đúng hạn khoản thu phí sử dụng đường bộ vào ngân sách nhà nước. Báo cáo Bộ Giao thông vận tải tổ chức thực hiện kiểm tra, quyết toán thu phí sử dụng đường bộ đối với các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới theo quy định.</p> <p>2. Các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới có trách nhiệm:</p> <p>a) Thực hiện nhiệm vụ thu phí, quản lý thu nộp, trả lại phí sử dụng đường bộ đối với các phương tiện đến đăng kiểm và hướng dẫn của Cục Đăng kiểm Việt Nam.</p> <p>b) Thực hiện chuyển số tiền phí sử dụng đường bộ thu được về tài khoản chuyên thu phí sử dụng đường bộ và theo hướng dẫn của Cục Đăng kiểm Việt Nam.</p>	<p><i>cáo quyết toán thu, nộp, sử dụng phí, lệ phí; thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định của pháp luật.</i></p> <p>2. Tại khoản 3 Điều 55 Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 quy định:</p> <p>“3. Cơ quan thu ngân sách có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:..</p> <p>c) Cơ quan thu có trách nhiệm đơn đốc, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thu phải nộp vào NSNN;</p> <p>d) Kiểm tra, kiểm soát các nguồn thu của ngân sách; kiểm tra, thanh tra việc chấp hành kê khai, thu, nộp ngân sách và xử lý hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật”.</p> <p>3. Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.</p> <p>4. Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN.</p> <p>5. Tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới quy định hoạt động của đơn vị đăng kiểm quy định: “3. Thu giá dịch vụ, phí, lệ phí liên quan đến hoạt động kiểm định xe cơ giới,</p>	<p>phí, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản chuyên ngành.</p>

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
		<p>c) Hằng năm, gửi báo cáo quyết toán thu phí sử dụng đường bộ trong năm về Cục Đăng kiểm Việt Nam.</p> <p>3. Tổng cục Đường bộ Việt Nam lập dự toán và báo cáo kết quả thu phí sử dụng đường bộ hằng năm gửi Bộ Giao thông vận tải tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>4. Bộ Giao thông vận tải lập dự toán thu phí sử dụng đường bộ và tổng hợp chung trong dự toán ngân sách hằng năm của Bộ Giao thông vận tải, gửi Bộ Tài chính cùng thời điểm thảo luận dự toán thu - chi ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.</p>	<p><u>các khoản thu khác (nếu có) và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính theo đúng quy định của pháp luật</u>".</p> <p>nh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.</p> <p>6. Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước quy định</p> <p>- Tại khoản 5 Điều 22 quy định:</p> <p>"a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương lập dự toán thu, chi ngân sách, phương án phân bổ ngân sách năm sau chi tiết theo từng lĩnh vực và chi tiết tới từng cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách, gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư..."</p> <p>- Tại Điều 23, Điều 24 và Điều 31 quy định:</p> <p>+ Khoản 1 Điều 23: "<u>1. Các đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao, gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp</u>".</p> <p>+ Khoản 3 Điều 24: "<u>3. Các cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao thu NSNN từ các khoản phí, lệ phí phải lập dự toán thu các khoản thu phí, lệ phí được giao gửi cơ quan thuế và cơ quan tài chính cùng cấp</u>".</p>	



Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
11	Điều 10	<p><b>Điều 10. Hiệu lực thi hành</b></p> <p>1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm ....</p> <p>2. Nghị định này bãi bỏ:</p> <p>a) Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 09/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ đã ban hành bãi bỏ một số văn bản quy pháp luật về quỹ bảo trì đường bộ.</p> <p>b) Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.</p>	<p>Điều 151 Luật Ban hành văn bản QPPL quy định thời điểm có hiệu lực của văn bản QPPL.</p>	<p>- Nghị định có hiệu lực không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày ký ban hành, đảm bảo phù hợp với Điều 151 Luật Ban hành văn bản QPPL.</p> <p>- Quy định tại khoản 2 để đảm bảo việc triển khai Nghị định được thuận lợi.</p>